

TIẾT 8

BIỂU TƯỢNG KÝ VỀ CÁC DANH HIỆU BÍ NHIỆM IAO VÀ JEHOVAH CÙNG SỰ LIÊN HỆ CỦA CHÚNG VỚI THẬP TỰ GIÁ VÀ VÒNG TRÒN

KHI Tu viện trưởng Louis Constant, thường được biết đến dưới danh xưng Éliphas Lévi, tuyên bố trong quyển *Lịch Sử Huyền Thuật* rằng bộ kinh *Sepher Yetzireh*, kinh *Zohar* và kinh *Khải huyền* của Thánh John, là các kiệt tác của khoa Huyền bí học, ông có bốn phần phải bổ sung cho chính xác và minh bạch – ở Âu châu. Thật hoàn toàn đúng nếu cho rằng các tác phẩm này chứa đựng "nhiều ý nghĩa hơn ngôn từ"; và cho rằng sự "diễn đạt có tính cách thi vị" của chúng, mà vẫn liên hệ đến những "con số" cũng rất "đúng". Tuy nhiên, thật chẳng may, trước khi người ta có thể đánh giá tính cách *thi vị* của những sự diễn đạt, hay sự *chính xác* của các con số, họ phải học hỏi ý nghĩa thực sự và nghĩa lý của những thuật ngữ cùng các biểu tượng đã sử dụng. Nhưng con người chẳng bao giờ học hỏi điều này, chừng nào mà y còn thiếu hiểu biết về nguyên lý nền tảng của Giáo lý Bí truyền, hoặc là trong Nội môn Bí giáo Đông phương, hoặc là khoa biểu tượng Do Thái Bí giáo – *chiếc chìa khóa hay giá trị dưới mọi sắc thái của chúng, về những danh hiệu của các vị "Thượng Đế", "Thiên thần" và danh hiệu của các vị "Tộc trưởng" trong Thánh kinh*, giá trị toán học hay hình học của chúng, và các liên hệ của chúng với Thiên nhiên biểu lộ.

Do đó, nếu một mặt, kinh *Zohar* "làm ngạc nhiên [nhà huyền học] bởi các thi kiến sâu xa và các hình ảnh vô cùng giản dị của nó", thì mặt khác, tác phẩm này làm cho môn sinh lạc lối bởi những sự diễn đạt như thế, cũng như những sự diễn đạt được dùng đối với Ain Soph và Jehovah, mặc dù được bảo đảm như sau:

Quyển sách được cẩn thận giải thích rằng hình hài con người khoác lấy bộ áo Thượng Đế chỉ là *một hình ảnh của Thượng Đế Ngôi Ba*, và rằng Thượng Đế không thể được diễn tả bằng bất cứ tư tưởng hay bất cứ hình thức nào.

Ai cũng biết rằng Origen, Clemens và các vị giáo sĩ Do Thái thú nhận rằng kinh *Kabalah* và *Thánh kinh* là các bộ sách *bị che giấu và bí mật*; nhưng ít có người biết rằng Giáo lý Nội môn của kinh *Kabalah* dưới hình thức *được tái bản* hiện nay chỉ là một sự ẩn giấu khác còn tinh tế hơn được khoác trên biểu tượng ký cổ sơ của các bộ sách bí mật này.

Ý tưởng được trình bày về Đấng Thiêng liêng *ẩn tàng* bằng chu vi của một vòng tròn và Quyền năng Sáng tạo – dương và âm, hay Thượng Đế Ngôi Ba Bán thư bán hùng – bằng đường kính đi xuyên qua vòng tròn là một trong các biểu tượng cổ sơ nhất. Chính trên quan niệm này mà những sự khai thiên tịch địa đã được tạo dựng. Đối với người Āryan cổ, người Ai Cập và Chaldea, biểu tượng thật đầy đủ ý nghĩa, vì nó bao hàm ý niệm về *Tư tưởng Thiêng liêng*, vĩnh cửu và bất di bất dịch trong sự tuyệt đối của nó, hoàn toàn tách biệt với giai đoạn khởi thủy thường gọi là "sáng tạo", và bao gồm sự tiến hóa về tâm lý và ngay cả tinh thần, và công việc có tính cách cơ chế của nó hay sự kiến tạo vũ trụ. Tuy nhiên, đối với người Do Thái, dù quan niệm trước được tìm thấy một cách rõ ràng trong kinh *Zohar* và trong *Sepher Yetzireh*, hoặc trong

những gì còn lại của quan niệm sau – điều ấy tất nhiên được biểu hiện trong *Ngũ Kinh Cựu Ước* và nhất là trong *Sáng thế ký*, chỉ gồm trong giai đoạn thứ hai này, nghĩa là trong định luật có tính cách máy móc của sự sáng tạo, hay đúng hơn của sự kiến tạo; trong khi đó thần phả học thì mới được phác họa thôi.

Chỉ có sáu chương đầu của *Sáng thế ký* bị bác bỏ trong *Thánh thư của Enoch* và bài thơ của *Jod* bị hiểu lầm và dịch sai mà bây giờ người ta mới có thể tìm được những âm vang thực sự của Giáo lý cổ. Chiếc chìa khóa dùng cho nó ngày nay đã bị thất lạc, ngay cả trong những vị giáo sĩ Do Thái uyên bác nhất mà những vị tiền phong trong buổi đầu của Thời Trung cổ bị tính độc đoán và kiêu hãnh về quốc gia thúc đẩy và nhất là sự thù ghét Thiên Chúa giáo một cách sâu xa, họ thích ném nó vào sự quên lãng sâu thẳm, hơn là chia xẻ kiến thức của mình cho những người ngược đãi họ một cách khắc nghiệt và hung ác. Jehovah thuộc về chính bộ lạc của họ, không thể cách biệt với Luật Moses và không thể giữ vai trò trong luật lệ nào khác với luật lệ ấy. Bị nhò ra khỏi cái khung đầu tiên của mình một cách tàn bạo, cái khung mà Ngài thích ứng với nó, cũng như nó đã xứng hợp với Ngài, "Chúa Trời của Abraham và Jacob" khó sáp nhập vào kinh thư mới của Thiên Chúa giáo mà không gây tổn hại và đổ vỡ. Vốn là kẻ yếu hơn, người Do Thái không thể ngăn được sự xúc phạm thánh thần. Tuy nhiên, họ giữ lại sự bí mật nguyên thủy của Adam Kadmon, hay Jehovah lưỡng tính, và thánh đường mới của họ tỏ ra hoàn toàn bất xứng với Thượng Đế cổ sơ. Thật ra họ bị trả thù!

Cho rằng Jehovah là Thần bộ lạc không hơn không kém của người Do Thái cũng sẽ bị phủ nhận như nhiều sự việc khác. Tuy nhiên, trong trường hợp này, các nhà thần học không đứng trên vị thế cho chúng ta biết ý nghĩa của các câu thơ trong quyển thứ năm của *Cựu Ước*, đã nói rất minh bạch:

Khi Đấng Tối cao [không phải "Chúa Trời" hay "Jehovah"] phân chia cho các quốc gia di sản của họ, khi Ngài tách biệt các con của Adam, Ngài tạo ra các giới hạn . . . tùy theo số trẻ con của người Do Thái . . . Phần của Thượng Đế [của Jehovah] là dân của Ngài; Jacob là tất cả di sản kế thừa của người. ^[1]

Điều này tạo nên câu hỏi. Các dịch giả hiện đại đã dịch Thánh kinh cùng các Bản văn một cách khinh suất biết bao, và các đoạn thơ này đã bị lệch lạc vô cùng mỗi khi dịch giả theo những bước vạch sẵn của các vị Giáo phụ nổi tiếng, đã giải thích những dòng ấy theo đường lối riêng của họ. Trong khi phần trích dẫn ở trên được trích *nguyên văn* từ bản dịch Anh văn có thẩm quyền, trong bản *Thánh kinh Pháp*, ^[2] chúng ta thấy "Đấng Tối cao" được dịch là "Đấng Chúa tể", "các con Adam" được dịch là "con cái của loài người", và "Đức Chúa" đổi thành "Đấng Vĩnh cửu". Vì câu thả gian ngoan, Giáo hội Tin Lành Pháp hình như qua mặt ngay cả các giáo sĩ Anh quốc.

Tuy nhiên, có một việc hiển nhiên là: "phần của Thượng Đế [Jehovah]" là "dân tộc được tuyển chọn" của người và không gì khác hơn, vì *một mình Jacob tạo nên tất cả di sản thừa kế của người*. Vậy các dân tộc khác là ai, họ được gọi là người Aryan, được tạo nên từ Đấng Thiêng liêng của dân Semite ấy, Đức Thượng Đế bộ lạc của dân

^[1] Sách đã dẫn xxxii, 8, 9.

^[2] Của Hội Thánh kinh Tin Lành Paris, theo bản dịch được duyệt lại năm 1.824 do J.E. Ostervald.

Do Thái? Theo quan điểm thiên văn, "Đấng Tối cao" là Mặt trời và "Đức Chúa" là một trong bảy hành tinh của nó, hoặc đó là Iao, Thần Nguyệt tinh, hay là Ildabaoth-Jehovah, Thần Thổ tinh, theo Origen và những nhà Ngộ đạo Ai Cập.^[1] Hãy để cho "Thiên thần Gabriel", "Chúa tể" của Ba Tư hộ trì cho dân tộc ấy, và Michael-Jehovah phù hộ cho dân Do Thái của Ngài. Các Ngài không phải là Thần của các dân tộc khác, cũng không hề là vị Thần của Đức Jesus. Cũng thế, mỗi vị *Dev* của Ba Tư đều liên hệ với hành tinh^[2] của họ, như mỗi vị Thiên thần Ấn Độ (một vị "Chúa tể") có một phân bộ được phân phối cho Ngài, một thế giới, một hành tinh, quốc gia hay chủng tộc. Có nhiều thế giới ắt có nhiều vị thần. Chúng ta tin tưởng vào vị thứ nhất và chúng ta có thể chấp nhận vị thứ hai, nhưng sẽ không bao giờ sùng bái vị thứ hai.^[3]

Trong tác phẩm này, chúng ta lặp lại rằng mỗi biểu tượng về tôn giáo và triết học đều có bảy ý nghĩa gắn liền với nó, mỗi cái liên hệ với chúng chính thức về phương diện tư tưởng, nghĩa là thuần túy thuộc về siêu hình hay thiên văn, tâm linh hay sinh lý v.v. . . . Khi nhắm vào chính nó, muốn học bảy ý nghĩa này cùng sự giải thích nó cũng khá khó khăn; nhưng muốn giải thích và hiểu chúng một cách đúng đắn lại trở nên thập phần rắc rối, khi thay vì liên hệ với nhau, hay pha lẫn nhau hoặc đi theo nhau, một trong bất cứ các ý nghĩa này được chấp nhận như nó đã được trình bày một cách đơn phương độc đáo sự giải thích về toàn thể ý tưởng tượng trưng. Chúng ta có thể cho một thí dụ để làm sáng tỏ hoàn toàn sự xác nhận này. Đây là hai lối giải thích của hai học giả Bí giáo Kabalah, cũng là một đoạn thi trong *Exodus*. Moses cầu xin Thượng Đế chỉ cho ông thấy sự "vinh quang" của Ngài. Dĩ nhiên, đây không phải là nghĩa đen của câu được tìm thấy trong *Thánh kinh*. Có bảy ý nghĩa trong kinh *Kabalah*, trong đó chúng ta có thể sử dụng hai ý nghĩa để giải thích như hai vị học giả đã tuyên bố. Một trong hai vị đã dịch và giải thích như sau:

"Người không thể thấy khuôn mặt của Ta; . . . Ta sẽ đặt người trong một kẻ hở của đá và khi đi ngang qua đó Ta sẽ phủ người bằng bàn tay của Ta. Rồi Ta sẽ rút tay ra và người sẽ thấy *a' hoor* của Ta", nghĩa là lưng của Ta.^[4]

Rồi dịch giả chú thêm:

Ta sẽ cho người thấy "cái lưng của Ta", nghĩa là vũ trụ hữu hình của Ta, những sự biểu hiện thấp thời của Ta; nhưng còn với tư cách con người xương thịt, người không thể thấy bản thể ẩn tàng của Ta. Kinh Qabbalah tiếp tục như thế.^[5]

^[1] Đối với những nhà Ngộ đạo Ai Cập, Thoth (Hermes) là thủ lãnh của Bảy vị (xem *Tử Vong Kinh*). Danh xưng của các Ngài được Origen cho biết như sau: Adonai (của Mặt trời), Iao (của Mặt trăng), Eloï (Mộc tinh), Sabao (Hỏa tinh), Orai (Kim tinh), Astaphai (Thủy tinh) và sau cùng Ildabaoth (Thổ tinh). Xem *Những nhà Ngộ đạo và Di tích của họ* của King, trang 344.

^[2] Xem Bản sao của Origen về giản đồ của vân ban thạch trong *Contra Celsum* của ông.

^[3] Xem phần 3 của Quyển này, Tiết 4, B, "Về các dãy hành tinh và sự Đa tạp của chúng".

^[4] *Exodus (Về Miền Đất Hứa)* xxxiii; 20-3; xem *Qabbalah* của Myer, trang 226.

^[5] Như trên, sách đã dẫn.

Điều này chính xác và là lời giải thích siêu hình học về vũ trụ. Và hiện nay, nhà Bí giáo Kabalah khác lên tiếng và nêu lên ý nghĩa bằng số. Vì nó bao hàm rất nhiều ý tưởng gợi ý và được trình bày một cách đầy đủ hơn, chúng ta có thể công nhận nó có tính cách bao quát hơn. Bản tóm tắt này được rút ra từ một thủ bản chưa công bố và nó giải thích một cách đầy đủ những gì được trình bày trong Tiết 3 về "Cung Chí thánh".^[1]

Các con số về danh hiệu của "Moses" như sau: "TA LÀ LINH NGÃ", để cho các danh xưng Moses và Jehovah có cùng một hài hòa về tượng số. Chữ của Moses là . . . (5 + 300 + 40), và tổng số giá trị các chữ của nó là 345; Jehovah – vị Thần *tuyệt diệu* của Năm Âm lịch – có một giá trị bằng 543 hay ngược lại là 345.

Trong chương thứ ba của "Về Miền Đất Hứa" (Exodus), trong câu thứ 13 và 14, người ta thấy: Và Moses nói, . . .^[2] Hãy xem ta đến bên những đứa trẻ Do Thái và ta sẽ nói với chúng, Thượng Đế của Cha các Con đã gọi ta đến với các con; và chúng sẽ nói với ta, tên Ngài là gì? Ta sẽ trả lời chúng như thế nào? Và Thượng Đế nói với Moses,

Ta là Linh Ngã

Theo chữ Do Thái, câu này là *āhiyé asher āhiyé*, và giá trị toàn bộ của các chữ như sau:

. . . ^[1]	. . . ^[1]	. . . ^[1]
21	501	21

. . . Đó là tên của Ngài [của Thượng Đế], tổng số các giá trị của nó gồm có 21, 501, 21 là 543 hay sử dụng một cách giản dị các con số của danh xưng Moses, . . . nhưng bây giờ xếp thứ tự tôn danh của 345 bị đảo ngược và đọc là 543.

Do đó, khi Moses hỏi, "Hãy cho tôi thấy khuôn mặt hay sự vinh quang của Ngài", câu trả lời hợp lý khác là, "Người không thấy khuôn mặt của ta . . . nhưng *người có thể thấy phía sau của ta*" – ý nghĩa thật sự là như thế, mặc dù lời nói không rõ ràng; vì nơi ẩn giấu và *mặt sau* của 543 là *mặt trước* của 345. Đó là

Để ngăn chặn và duy trì *sự sử dụng* đúng mức một nhóm các con số, hầu phát triển một số kết quả *lớn lao*, cho mục tiêu mà chúng ta được đặc biệt dùng đến.

Rồi nhà học giả bí giáo nói tiếp:

Trong số các cách sử dụng khác của con số, chúng nhận ra nhau theo lối đối diện. Thật lạ lùng nếu cộng 345 với 543, chúng ta có 888, đó là giá trị theo giáo lý Cabbalah Ngộ đạo về danh xưng của Đức Christ, Ngài là Jehoshua hay Joshua. Cũng thế, khi chia 24 giờ trong ngày sẽ có thương số là ba số tám . . . Mục đích chính của toàn thể hệ thống Kiểm soát Tượng số này cốt duy trì vĩnh viễn giá trị chính xác của Năm Âm lịch trong sự đo lường Thiên nhiên về các Ngày.

Đó là các ý nghĩa thuộc về thiên văn và tượng số trong thần phổ học bí nhiệm về các vũ trụ Thượng Đế do những người Do Thái-Chaldea khám phá – hai trong bảy ý nghĩa. Năm ý nghĩa khác sẽ làm cho những người Thiên Chúa giáo còn ngạc nhiên hơn.

^[1] Phần trên, trang 27.

^[2] Chữ tượng hình. (LND)

Hàng loạt các Ædipus đã cố gắng giải thích bí nhiệm về hình tượng Sphinx thật ra rất dài dòng. Vì trong nhiều thời đại nó đã dày vò những người xuất chúng nhất cũng như những người quý phái thông minh nhất trong khối Thiên Chúa giáo; nhưng hiện nay, hình tượng Sphinx này đã bị khắc phục. Cuộc chiến đấu tinh thần vĩ đại đã chấm dứt bởi sự chiến thắng trọn vẹn của Ædipus thuộc Khoa biểu tượng, tuy nhiên, đó không phải là hình tượng Sphinx bị sự nhục nhã vì thất bại thiêu hủy, đã tự chôn vùi dưới biển, mà đúng là biểu tượng nhiều mặt, mệnh danh Jehovah, mà những người Thiên Chúa giáo – các dân tộc *văn minh* – đã nhìn nhận là Thượng Đế của họ. Biểu tượng về Jehovah đã bị sụp đổ do một sự phân tích thật nghiêm khắc và bị khóa lấp. Các nhà biểu tượng học đã khám phá một cách kinh hoàng rằng Đấng Thiêng liêng được họ chấp nhận chỉ là mặt nạ dùng cho nhiều vị Thần khác, là một hành tinh không còn sự sống được phục chế lại nguồn gốc lịch sử, tốt hơn hết, nó chỉ là Thần Nguyệt tinh và Thổ tinh đối với người Do Thái, là Thần Mặt trời và Mộc tinh đối với những người Thiên Chúa giáo đầu tiên; rằng Ba Ngôi – trừ phi họ chấp nhận các ý nghĩa trừu tượng và siêu hình hơn theo người Ngoại giáo – thật ra chỉ là một tam phân về thiên văn, gồm có Mặt trời (Chúa Cha), và hai hành tinh Mercury (Chúa Con) và Kim tinh (Chúa Thánh thần), Sophia, Tinh thần Minh triết, Bác ái và Chân lý, và Lucifer, vì Đức Christ, "sự rực rỡ và sao mai".^[1] Vì vấn đề Chúa Cha là Mặt trời (vị "Huỳnh trưởng", trong Triết học *nội môn* Đông phương), hành tinh gần nó nhất là Thủy tinh (Hermes, Budha, Thoth), mà Mẹ được mệnh danh là Maia trên Địa cầu. Hiện nay, hành tinh này nhận được ánh sáng bảy lần nhiều hơn những cái khác; sự kiện ấy khiến cho những người theo thuyết Ngộ đạo đã gọi Đức Christ của mình và các nhà Bí giáo Kabbalah gọi Hermes của họ (theo ý nghĩa thiên văn) bằng danh xưng "Đấng Quang huy Thất bội". Sau cùng vị Thần này là Bel – vì người xứ Gauls gọi Bel là Mặt trời; người Hy Lạp gọi là Helios; người Phoenicians gọi là Baal; người Chaldea gọi là El, do đó người Do Thái gọi là El-ohim, Emanu-el, và El, "Thần". Nhưng chính vị Thần của Bí giáo Kabbalah đã biến mất trong sự tinh khéo của những vị giáo sĩ Do Thái và hiện nay phải quay về với ý nghĩa siêu hình sâu thẳm nhất của kinh *Zohar* để tìm trong đó một cái gì giống như Ain Soph, Đấng Thiêng liêng Vô danh và Đấng Tuyệt đối mà những người Thiên Chúa giáo đã đòi hỏi một cách đầy uy quyền. Nhưng chắc chắn người ta không tìm được trong tác phẩm của Moses bất cứ trường hợp nào mà kẻ cố gắng đọc không có được chiếc chìa khóa. Từ khi mất chiếc chìa khóa này, người Do Thái và những người Thiên Chúa giáo bao giờ cũng nỗ lực trộn lẫn hai quan niệm đó, nhưng vẫn vô hiệu. Sau cùng, họ chỉ thành công khi tước đoạt chính Đấng Thiêng liêng Phổ quát trong tính chất uy nghi cùng ý nghĩa cổ sơ của Ngài.

Như chúng ta thấy trong *Nữ Thần Isis Lộ Diện*:

Do đó, hình như rất tự nhiên khi tạo ra một sự phân biệt giữa vị thần huyền bí Iaw được tất cả những người tham dự vào kiến thức bí nhiệm của các vị giáo sĩ từ thời thái cổ, các phó bản thanh âm của Ngài, mà chúng ta thấy các vị Ophites và những người theo thuyết Ngộ đạo^[2] khác hành xử một cách quá ít cung kính.

^[1] Xem *Sự Thiên Khai*, xxii, 16.

^[2] Sách đã dẫn, ii, trang 301.

Trong những viên ngọc Ophite của King ^[1] chúng ta thấy tên của Iao được lặp lại và thường trùng với tên của Ievo trong khi danh xưng sau chỉ tiêu biểu cho một trong các vị Thần đối kháng với Abraxas . . . Nhưng danh hiệu Iao không có nguồn gốc, cũng chẳng phải thuộc về Do Thái. Ngay cả nếu nó đã làm vừa lòng Moses để ban cho danh hiệu "Thần" bảo hộ, vị bảo hộ công khai và vị thần quốc gia của "dân tộc Israel được chọn", cũng không thể hợp lý để cho thấy lý do tại sao các dân tộc tính khác nên nhận Ngài như một vị Thượng Đế Tối cao và Linh hoạt. Nhưng chúng tôi bác bỏ toàn bộ điều thừa nhận. Và ngoài ra, có một sự thật là Iaho hoặc Iao là một "bí danh" ngay từ đầu vì . . . và . . . không bao giờ được sử dụng trước thời đại vua David. Trước thời đại ông, rất ít hoặc không có các danh hiệu ghép với Iah hay Jah. Dường như vua David đã mang lại tên những người Tyrian và Philistine ^[2] hơn là giữa những người ông đã sống với họ. Người bổ nhiệm giáo sĩ cao cấp Zadok và chính từ nhân vật này, phát sinh những người Zadokites hoặc Sadducees. Trước tiên ông sống và cai trị ở Hebron, Habir-on hay Kabeir-town, nơi mà những nghi lễ của bốn (vị thần bí nhiệm) được cử hành. Cả David lẫn Solomon đều không nhận biết Moses hay là luật của Moses. Họ mong ước thiết lập một thánh điện cho . . ., ^[3] giống như cấu trúc được Hiram dựng nên cho Hercules và Venus, Adon và Astarte.

Fürst nói rằng: "Danh hiệu tối cổ của Thượng Đế là Yāho, mà những người Hy Lạp viết là Iaw, không kể sự lệch lạc của nó, dường như có một tên cổ sơ bí nhiệm về Đấng Thiêng liêng Tối cao của người Do Thái. Do đó, nó được truyền thụ cho Moses, khi ông được điểm đạo ở Hor-eb – *cái Động* – dưới sự điều khiển của Jethro, giáo sĩ Kenite (hay Cainite) của Midian. Trong một tôn giáo cổ của người Chaldea, mà các di tích được tìm thấy nơi các tín đồ Tân Plato, Đấng Thiêng liêng tối cao ngự trên bảy vị Thượng Đế, tiêu biểu cho Nguyên khí Ánh sáng Tinh thần, . . . và như Demiurgus ^[4] đã quan niệm, Ngài được gọi là Iaw, giống như Yāho của người Do Thái, bí nhiệm bất khả tư nghị và các Điểm đạo đồ đều biết đến danh xưng của Ngài. Những người Phoenicians có một vị Thần Tối cao mà danh xưng được tạo bởi ba chữ *bí nhiệm*, và Ngài chính là Iaw." ^[5]

Những nhà Bí giáo Kabalah nói rằng hình thập tự là một trong những biểu tượng *tối cổ*, các nhà Huyền bí học cũng lặp lại lời dạy ấy. Điều này đã được chứng minh ở ngay phần đầu của Lời tựa trong Quyển 1. Các Điểm đạo đồ Đông phương trình bày nó như đồng thời với vòng tròn của Vô cực Thiêng liêng và sự phân hóa đầu tiên của Bản thể, sự hợp nhất của Tinh thần và Vật chất. Sự giải thích này đã bị bác bỏ và chỉ có ẩn dụ thuộc về thiên văn là được chấp nhận và tạo được thích ứng một cách khéo léo với những biến cố tưởng tượng dưới thế gian.

Chúng ta hãy chứng minh lời phát biểu này. Như đã nói, trong thiên văn học, Mercury là con của Cœlus và Lux – của Bầu trời và Ánh sáng, hay Mặt trời; trong thần thoại học, nó là hậu duệ của Jupiter và Maia. Người là "Sứ giả" của phụ thân Jupiter của người, Chúa Cứu thế của Mặt trời. Ở Hy Lạp, giữa những sự vật khác, danh hiệu Hermes của người có nghĩa là "Đấng Diễn tả" – Huyền âm, THƯỢNG ĐẾ hay NGÔI LỜI. Bây giờ, Mercury ra đời trên Núi Cyllene giữa những người chăn chiên và người

^[1] *Những người theo thuyết Ngộ đạo và Di tích của họ.*

^[2] *II Samuel*, ii, 11.

^[3] Chữ tượng hình. (LND)

^[4] Dù rất ít, để cho các vị sáng tạo vũ trụ vật chất luôn luôn được xem như những vị Thượng Đế tùy thuộc vào Đấng Cao cả Tối thượng.

^[5] Sách đã dẫn, ii, 296, 297. Fürst nêu các dẫn chứng từ Lydus và Cedrenus làm nền tảng cho các phát biểu của ông.

là chủ nhân của họ. Với tư cách là Thần chiêu hồn, người dắt Linh hồn người chết đến Hades và lại mang họ đi nữa, một trách vụ được phó thác cho Đức Jesus sau cái chết và sự phục sinh của Ngài. Các biểu tượng về Hermes-Mercury (Dii Termini) được đặt dọc theo các đại lộ và các ngã tư, như hiện nay các chữ thập được đặt tại nước Ý và chúng là những *hình thập tự*.^[1] Mỗi ngày thứ bảy, vị giáo sĩ xúc dầu thánh cho các Termini và mỗi năm một lần, trang hoàng chúng bằng các vòng hoa, do được xúc *dầu thánh*. Mercury, khi phát ngôn những lời tiên tri của người, có nói:

Tôi là kẻ mà bạn gọi là Con của Cha [Jupiter] và Maia. Rời bỏ Vua trên Trời [Mặt trời], tôi đến giúp các bạn, hồi chúng sinh.

Mercury chữa trị cho những người mù và phục hồi thị giác, về tinh thần lẫn vật chất.^[2] Người thường được mô tả là có ba đầu và được gọi là Tam thủ, Tam bội như là một với Thái dương và Kim tinh. Sau cùng, như Cornutus trình bày,^[3] đôi khi Mercury được nêu ra dưới hình thức lập phương, không tay, bởi vì "sức mạnh của lời nói và sự hùng biện có thể thắng đoạt mà không cần sự giúp đỡ của tay chân". Chính hình lập phương này gắn liền trực tiếp với Termini với hình chữ thập, và đó là tài hùng biện cùng với sức mạnh ngôn từ của Mercury đã làm cho Eusebius xảo quyết nói, "Hermes là biểu tượng của Huyền âm đang sáng tạo và diễn dịch vạn hữu", vì đó là Huyền âm Sáng tạo; và y cho thấy Porphyry giảng dạy rằng Ngôn từ của Hermes – hiện nay được diễn dịch là "*Huyền âm của Thượng Đế*" (!) trong *Pymander* – một Sáng tạo từ (*Ngôi Lời*), là Nguyên khí Truyền sinh phân tán khắp Vũ trụ^[4]. Trong Khoa luyện kim đan, "Mercury" là Nguyên khí *Ấm ướt* căn bản, Nước Nguyên thủy, chứa Mâm giống của Vũ trụ được Lửa Thái dương làm cho phong phú. Để diễn đạt nguyên lý phong phú này, một hình sinh thực khí thường được thêm vào chữ thập (dương và âm, hay là thẳng đứng hay nằm ngang) của những người Ai Cập. Hình chữ thập *Termini* cũng được tượng trưng cho ý niệm nhị phân này được tìm thấy ở Ai Cập trong Hermes *lập phương*. Tác giả quyển *Nguồn Gốc các Kịch Thước* sẽ nói cho chúng ta biết lý do.^[5]

Như ông đã trình bày, hình lập phương mở ra sẽ trở thành một hình thập tự của chữ Tau hoặc hình thức Ai Cập, hoặc hơn nữa, "vòng tròn gắn liền với chữ Tau tạo nên chữ thập có quai" của các vua Pharaohs xưa. Các Ngài biết nó từ nhiều thời đại do các giáo sĩ và các vị "Vua được Điềm đạo" và các Ngài cũng biết cái gì có nghĩa là "đóng một người trên thập tự giá", ý tưởng mà người ta phối kết với ý tưởng về nguồn gốc của đời sống nhân loại và do đó với ý tưởng về *hình thể sinh thực khí*. Chỉ có ý tưởng sau này được thể hiện trong những thời gian dài vô tận, và những thời đại sau ý niệm về Thợ mộc và Thợ Thủ công của các vị Thần, Vishvakarman, đã đóng đinh trên thập tự giá vị "Điềm đạo đồ Mặt trời" trên máy tiện hình chữ thập. Như chính tác giả viết:

[1] Xem bản 77 trong Quyển I *Antiquities* của Montfaucon. Các môn đệ của Hermes sau khi chết, đi đến hành tinh của người, Mercury – Thiên quốc của họ.

[2] *De Mensibus*, Quyển iv, của Lydus.

[3] *Preparat. Evang.*, I, iii, 2.

[4] Xem Tiết 2, liên quan Gnostic Priapus.

[5] Cornutus.

Việc đóng đỉnh một người trên thập tự giá . . . đã được người Ấn Độ sử dụng trong hình thức pho diễn này. ^[1]

Nhưng nó được “phối kết” với ý niệm về sự tân phục sinh của con người do một sự hồi phục *tinh thần*, chứ không phải vật chất. Thí sinh Điem đạo được đóng trên chữ Tau, hay thập tự theo thiên văn căn cứ trên một ý niệm cao thượng, to tát hơn ý tưởng về nguồn gốc của đời sống thuần *thế tục*.

Mặt khác, hình như trong đời sống của người Do Thái, không có mục tiêu nào cao thượng hơn mục đích truyền sinh giống nòi. Do đó, về mặt hình học và tùy theo việc đọc *Thánh kinh* bằng phương pháp tượng số, tác giả quyển *Nguồn Gốc các Kịch Thức* hoàn toàn đúng:

. . . toàn thể hệ thống [Do Thái] xét theo quan điểm cổ, hình như căn cứ trên thiên nhiên và được thừa nhận bởi thiên nhiên hay Thượng Đế, như *nền tảng* hay *quy luật* của việc sử dụng quyền năng sáng tạo – nghĩa là *phác họa sáng tạo*, mà sự sáng tạo là việc áp dụng thực tiễn. Điều này hình như được thiết lập bởi sự kiện là trong hệ thống được trình bày, những sự *đo lường thời gian thuộc các hành tinh*, sử dụng cùng mức độ như sự *đo lường kích thước* của các hành tinh và sự đặc biệt về những hình thức của chúng – nghĩa là trong tương độ về các đường kính của chúng ở xích đạo và cực . . . hệ thống này [hệ thống dự phóng sáng tạo] hình như làm nền tảng cho toàn thể cấu trúc của *Thánh kinh*, cũng như nền tảng cho thuyết nghi lễ của nó và sự trình bày những tác phẩm về Thiên tính theo đường lối *kiến trúc*, bằng việc sử dụng đơn vị đo lường thiêng liêng trong Vườn Địa đàng, chiếc Bè của Noah, Thánh điện và Đền thờ Solomon. ^[2]

Do đó, theo sự trình bày của những người bảo vệ hệ thống này, Đấng Thiêng liêng của Do Thái được mô tả chỉ là Lưỡng nguyên biểu lộ, chứ không bao giờ là Đấng Duy nhất Tuyệt đối. Nếu chứng minh về phương diện hình học, Ngài là một **TƯỢNG SỐ**; đứng trên phương diện biểu tượng, là một Priapus được *phong thần hóa*; và điều này khó làm thỏa mãn nhân loại đang khao khát chân lý tinh thần thực sự sau sự chứng minh và sự có được một Thượng Đế có bản chất thiêng liêng chứ không phải thần nhân đồng hình. Điều kỳ lạ là những nhà Bí giáo Kabbalah uyên bác nhất hiện đại đều không thấy trong hình thập tự và vòng tròn điều gì khác hơn một biểu tượng về Đấng Thiêng liêng *sáng tạo* và *bán thư bán hùng* biểu hiện liên quan với thế giới hiện tượng này. ^[3] Một tác giả tin rằng:

Dù con người [hãy đọc, Do Thái và giáo sĩ Do Thái] đạt được kiến thức về sự đo lường thực tiễn, . . . nhờ thể thiên nhiên được cân nhắc để điều hợp với kích thước của các hành tinh hầu điều hòa với ký hiệu của các chuyển động của chúng, dường như y đạt được nó và đánh giá sự chiếm hữu của nó như các phương cách thực hiện Thiên tính, nghĩa là tiến đến rất gần quan niệm về một Hữu thể có trí tuệ như của riêng mình, song vô cùng dững dĩnh, hầu có thể

^[1] Sách đã dẫn, trang 52.

^[2] Như trên, trang 3, 4.

^[3] Độc giả hãy tham khảo kinh *Zohar* và hai quyển *Qabbalah* của Isaac Myer và S. L. Mac Gregor Mathers và lời giải thích, nếu muốn am tường vấn đề này.

hiệu được *định luật sáng tạo* do Hữu thể ấy thiết lập vốn phải hiện hữu trước bất cứ sự sáng tạo nào (gọi là *Ngôi Lờ* theo giáo lý Kabbalah).^[1]

Điều này có thể làm thỏa mãn trí tuệ thực tiễn của người *Do Thái*, nhưng nhà Huyền bí học Đông phương từ chối việc tạo nên một vị Thượng Đế *như thế*; thật vậy, một Đấng Thiêng liêng, một Hữu thể “có trí tuệ như trí người, song vô cùng dũng mãnh hơn”, *không phải* là vị Thần có vị trí vượt *bên kia* chu kỳ sáng tạo. Ngài không có liên hệ gì với quan niệm *lý tưởng* về Vũ trụ Vĩnh cửu. Tốt nhất, Ngài là một trong những quyền năng *sáng tạo phụ thuộc*, mà Cái Toàn thể được gọi là Sephiroth, Thiên đế và Adam Kadmon, Thượng Đế Ngôi Hai của những người theo Plato.

Người ta gặp lại một cách rõ rệt cùng tư tưởng ấy ở nơi sâu thẳm của các định nghĩa khéo léo nhất trong kinh *Kabbalah* và các bí nhiệm của nó; chẳng hạn như John A. Parker đã trích dẫn trong cùng tác phẩm:

[Chiếc] chìa khóa của Thánh kinh Kabbalah được nghĩ ra để tạo sự liên hệ hình học của diện tích một vòng tròn nội tiếp trong hình vuông, hay của khối lập phương với hình cầu, phát sinh từ tương quan của đường kính với chu vi vòng tròn, với giá trị bằng số của sự liên hệ ấy được diễn đạt một cách toàn diện. Sự liên hệ của đường kính với vòng tròn là một sự liên hệ tối cao gắn liền với thánh danh Elohim và Jehovah, (danh xưng này là biểu hiện bằng số của các tương quan ấy theo thứ tự – thứ nhất là tương quan với vòng tròn, kế đó là với đường kính), nó bao trùm tất cả các tương quan phụ thuộc khác dưới nó. Hai biểu hiện toàn vẹn của chu vi đối với đường kính được dùng trong Thánh kinh là: (1) Cái hoàn toàn; và (2) Cái bất toàn. Một trong các liên quan giữa chúng là nếu (2) trừ bớt (1) còn lại một *sự hợp nhất* về giá trị của một đường kính hoặc trong sự gọi tên, về giá trị chu vi của một vòng tròn hoàn toàn hay một sự hợp nhất theo đường thẳng có một giá trị vòng tròn hoàn toàn, hoặc một yếu tố của giá trị vòng tròn.^[2]

Những phép tính như thế có thể đưa đến việc khám phá những bí nhiệm trong giai đoạn *thứ ba* của cuộc Tiến hóa, hay là “sự sáng tạo lần thứ ba của Brahmā”. Các Điểm đạo đồ Ấn Độ biết cách làm sao cho “cầu phương vòng tròn” kiến hiệu hơn bất cứ người Âu Châu nào. Chốc nữa, chúng ta sẽ trở lại vấn đề trên đây. Thật sự là như các nhà Huyền bí học có nói, các nhà Huyền học Tây phương chỉ bắt đầu sự suy tư của họ từ giai đoạn Vũ trụ “sa vào vật chất”. Trong toàn bộ các bản kinh Kabbalah, chúng ta không gặp một câu hàm ý nào, dù rất xa xôi, về tâm lý và tinh thần, cũng như về các bí mật cơ học và của sự “sáng tạo”. Vậy chúng ta sẽ xem sự tiến hóa của Vũ trụ trên một tỷ lệ lớn lao chỉ là một nguyên mẫu của tác động sinh sản; theo thuyết *Sinh thực khí* “thiêng liêng” và được viết ra như tác giả bị tà hứng (evilily-inspired) đã tạo ra một tác phẩm có tên như thế gần đây chăng? Tác giả không nghĩ như thế. Và bà cảm thấy có quyền nói như thế, vì sự nghiên cứu kinh *Cựu Ước* một cách cẩn thận hơn – về mặt nội môn cũng như ngoại môn – dường như không đưa những kẻ tìm hiểu nhiệt thành nhất vượt quá sự chính xác trên địa hạt toán học mà mỗi cảnh tượng, mỗi nhân vật và mỗi biến cố, từ chương thứ nhất đến chương cuối cùng trong *Ngũ kinh Cựu Ước* có liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với *nguồn gốc của sự sinh sản* dưới hình thức sống sượng và thô tục nhất. Tuy nhiên, phương pháp của các vị

^[1] Như trên, trang 5.

^[2] Sách đã dẫn, trang 12.

giáo sĩ Do Thái lý thú và khéo léo biết bao, tác giả đồng ý với những nhà Huyền bí học Đông phương khác là nó phải được mền chuộng hơn phương pháp của những nhà Ngoại giáo.

Vậy phải chăng trong *Thánh kinh* mà chúng ta mới tìm lại được nguồn gốc chữ thập và vòng tròn, trừ ra thời kỳ trước trận Đại hồng thủy. Do đó, trở lại với Éliphas Lévi và kinh *Zohar*, chúng tôi trả lời cho các nhà Huyền bí học Đông phương và nói rằng, áp dụng thực tiễn vào nguyên lý họ hoàn toàn đồng ý với Pascal khi ông này nói:

Thượng Đế là một vòng tròn mà tâm điểm ở khắp nơi và chu vi không ở nơi nào cả.

Trong khi đó, những nhà Bí giáo Kabbalah nói ngược lại và không chủ trương điều này vì lẽ muốn che giấu giáo lý của họ. Nhân tiện xin nói, cách định nghĩa Thượng Đế bằng vòng tròn chắc chắn không phải của Pascal như Éliphas Lévi đã nghĩ. Định nghĩa này được nhà Triết học Pháp mượn hoặc là từ Mercury [Hermes] Trismegistus, hoặc trong tác phẩm La Tinh của Đức Hồng y Cusa nhan đề là *De Docta Ignorantia* trong đó ngài dùng nó. Hơn nữa, định nghĩa này đã bị Pascal làm lệch lạc, ông thay các chữ "Vòng tròn Vũ trụ" được thấy một cách tượng trưng trong chữ khắc nguyên thủy, bằng từ ngữ Theos. Đối với Cổ nhân cả hai chữ này đều đồng nghĩa.

A. CHỮ THẬP VÀ VÒNG TRÒN

Trong trí của những triết gia cổ, những gì thiêng liêng và bí nhiệm đều luôn luôn quy kết vào hình thể của vòng tròn. Trong thế giới cổ sơ thuần nhất trong biểu tượng ký và với các trực giác về Phiếm thần học, kết hợp Đấng Vô cùng hữu hình và vô hình làm một, tượng trưng cho Thiên tính và tấm Màn che bên ngoài – bằng một vòng tròn. Sự phối hợp cả hai tạo thành sự hợp nhất và danh xưng Theos được đưa ra không phân biệt đối với cả hai, được giải thích và do đó còn trở nên có tính cách *khoa học* và triết học hơn. Định nghĩa theo ngữ nguyên của từ ngữ *theos* của Plato đã được đưa ra ở một nơi nào đó. Trong tác phẩm *Cratylus* của ông, ông rút nó từ động từ *the-ein*, "cử động" như đã được gọi lên bởi chuyển động của những thiên thể gắn liền với Thượng Đế. Theo Triết lý Nội môn, Thượng Đế này trong kỳ gian "Đêm" và "Ngày" của Ngài, hay Chu kỳ Nghỉ ngơi và Hoạt động, là *Chuyển động Vĩnh cửu Không ngừng*, cái "BIẾN DỊCH HẰNG CỬU, cũng như sự Hiện diện phổ quát và Hiện tồn Vĩnh cửu". Ý niệm sau là sự trừu tượng nền tảng, ý niệm đầu là quan niệm khả hữu duy nhất trong tâm trí con người, nên nó tách biệt vị Thượng Đế này với tất cả hình thể nào khác. Đó là cuộc tiến hóa miên viễn, không ngừng, chu chuyển trở lại trong sự tiến bộ không ngừng qua vô số kỳ gian, hướng về trạng thái nguyên thủy của nó – SỰ HỢP NHẤT TUYỆT ĐỐI.

Đó chỉ là các vị tiểu Thần mà người ta gán cho các thuộc tính tượng trưng của các vị Thần cao hơn. Như thế, Thần Shoo, hiện thân của Thần Ra, Ngài đã xuất hiện như "con Mèo vĩ đại trong cái chậu của Persæa ở An" ^[1] hay được trình bày trong các

^[1] Xem *Tử Vong Kinh*, xvii, 45-47.

đền đài Ai Cập, Ngai ngời và cầm thập giá tượng trưng cho bốn Phương hướng, hay các Hành, gắn liền với vòng tròn.

Trong tác phẩm uyên bác của Gerald Massey, quyển *Căn Cội Thiên Nhiên* dưới đề mục "Tyology of the Cross". có nhiều sự khám phá về chữ thập và vòng tròn hơn bất cứ tác phẩm nào mà chúng tôi biết. Ai muốn có bằng chứng thuở xưa về chữ thập xin tham khảo hai quyển này. Tác giả viết:

Hình tròn và chữ thập thì bất khả phân Chữ thập có Quai kết hợp vòng tròn và chữ thập có bốn góc. Do nguồn gốc này, đôi khi vòng tròn và chữ thập trở nên có thể hoán chuyển nhau. Thí dụ Luân xa hay Cái đĩa của Vishnu là một vòng tròn. Danh xưng chỉ rõ sự quay tròn, chạy vòng quanh, chu kỳ, bánh xe thời gian. Vị thần dùng nó như một khí giới ném vào kẻ thù. Cũng thế, Thần Thor ném vũ khí của mình, cái Fylfot, một hình chữ thập có bốn chân [Svastika] và một kiểu mẫu thuộc bốn phương. Như thế, chữ thập tương đương với vòng tròn của năm. Biểu tượng bánh xe phối hợp chữ thập và vòng tròn làm một như cái bánh thuộc chữ tượng hình và cái gút của Ankh đang biểu hiện. (Ankh-tie ).^[1]

Không có nét chạm kép nào linh thiêng với người phàm tục, mà chỉ thiêng liêng với các Điểm đạo đồ. Raoul Rochette chứng minh rằng:

Ký hiệu ♀ xuất hiện như *mặt trái* của một đồng tiền xứ Phœnician với một con Chiên đực trên mặt . . . Cũng ký hiệu ấy, đôi khi được gọi là Gương soi của Venus, vì nó tiêu biểu cho sự sinh sản, được dùng để chỉ phía sau của giống ngựa quý ở Corinthian và nhiều giống ngựa đẹp khác.

Điều này chứng tỏ rằng ở thời kỳ xa xưa, chữ thập đã trở thành biểu tượng về sự sinh sản của con người rồi, và sự lãng quên nguồn gốc *thiên liêng* của chữ thập và vòng tròn đã bắt đầu.

Một hình thức khác của chữ thập được *Nhật báo của Hội Hoàng gia Á Châu* công bố như sau:^[2]

Ở mỗi một trong bốn góc có đặt một phần tư cung của một đường cong hình trứng, và khi bốn góc kết hợp lại, chúng tạo thành một hình trứng; do đó, hình kết hợp chữ thập với vòng tròn bao quanh nó thành bốn phần, tương ứng với bốn góc của chữ thập Svastika và Fylfot của Thor. Hoa sen bốn cánh của Đức Phật cũng được tượng trưng ở tâm chữ thập này, hoa sen là kiểu mẫu về bốn phương của người Ai Cập và Ấn Độ. Bốn phần tư cung, nếu hợp lại sẽ tạo thành một hình ellipse, và hình này cũng có tính cách tượng trưng trên mỗi cánh tay của chữ thập. Do đó, hình ellipse này tượng trưng cho quỹ đạo của địa cầu . . . Sir J. Y. Simpson có sao lại mẫu  được trình bày ở đây như hình chữ thập với hai phân điểm và hai chí điểm đặt trong hình quỹ đạo quả đất. Trong các bức họa Ấn Độ, thỉnh thoảng thấy xuất hiện các hình trứng hoặc hình thể chiếc tàu với bầy nấc ở mỗi đầu như một hình thái hay thể thức của Meru.

^[1] Sách đã dẫn, i, 421-422.

^[2] Quyển xviii, trang 393, pl. 4; Inman, hình 38; Gerald Massey, sách đã dẫn, trang 421-421.

Đó là một trạng thái thiên văn của nét chạm kép. Tuy nhiên, có sáu trạng thái nữa và người ta có thể thử giải thích một vài trạng thái ấy. Vấn đề thật lớn lao đến nỗi cần phải nhiều pho sách để giải thích.

Nhưng biểu tượng kỳ lạ nhất trong các biểu tượng Ai Cập về chữ thập và vòng tròn này đã được đề cập trong tác phẩm dẫn chứng trên, là một biểu tượng nhận được sự giải thích đầy đủ và màu sắc cuối cùng từ những biểu tượng Āryan có cùng bản chất. Tác giả nói:

Thập tự có bốn cánh tay chỉ là thập tự tứ phương, nhưng ký hiệu của chữ thập không phải luôn luôn đơn giản.^[1] Đó là một kiểu mẫu được phát triển từ một khởi điểm có thể đồng hóa và sau này thích ứng bằng cách diễn đạt những ý tưởng dị biệt. Chữ thập thiêng liêng nhất của Ai Cập mà các vị Thần, các vị vua Pharaohs và các xác ướp cầm trong tay là Ankh , biểu hiện của đời sống, sự sống, một lời tuyên thệ, một sự giao ước. . . . Đỉnh của nó là chữ tượng hình Ru , đặt đứng thẳng trên chữ thập Tau. Ru là cửa, cổng, miệng, lối thoát. Chữ này chỉ nơi sinh trong hướng bắc ủa các bầu trời từ đó mặt trời tái hiện. Do đó chữ *Ru của ký hiệu Ankh là kiểu mẫu giống cái của nơi sinh tiêu biểu cho phương bắc*. Chính trong hướng bắc mà vị nữ thần của Bảy vì Sao, được gọi là "Mẹ của sự Xoay vòng" sinh ra thời gian trong sự tuần hoàn sớm nhất của năm. Ký hiệu thứ nhất của sự tuần hoàn nguyên thủy này trong bầu trời là hình thức cổ sơ nhất của Thập tự Ankh , một cái gút đơn giản chứa cả vòng tròn và chữ thập trong một hình. Cái gút hay nơ này được mang trước đường sinh dục cổ nhất, Typhon của Đại Hùng tinh, như chiếc *Bè* của nó, biểu ý tự của một thời kỳ, một sự kết thúc, một thời gian dành để diễn tả một cuộc xoay vòng. Vậy điều này tượng trưng cho vòng tròn được tạo ra trong bầu trời phương bắc, bởi Đại Hùng tinh, đã tạo thành năm đầu tiên của thời gian, từ sự kiện mà chúng ta suy ra rằng cái gút hay Ru của hướng bắc tiêu biểu cho phương này, nơi sinh của thời gian khi nó được hình dung như chữ Ru của biểu tượng Ankh. Thật ra, điều này có thể được chứng minh. Cái gút là một chiếc *Bè* hay kiểu *Rek* để tính toán. Ru của chữ thập Ankh được tiếp tục trong Cypriote R, , và Coptic Ro, .^[2] Ro được đưa vào chữ thập Hy Lạp, , vốn được tạo do chữ Ro và Chi hay *R-k*. . . . Rak, hay chiếc *Bè* là ký hiệu của mọi nguyên thủy (*Arche*) vì lý do này và cái gút của chiếc *Bè* là chữ thập của phương bắc, phần sau của bầu trời.^[3]



Bây giờ điều này hoàn toàn có tính cách thiên văn và sinh thực khí. Việc phiên dịch kinh Purānas ở Ấn Độ trình bày toàn thể vấn đề dưới một màu sắc khác. Không hủy diệt sự diễn dịch trên, đó là khám phá một phần những bí nhiệm của nó nhờ sự giúp đỡ của chiếc chìa khóa thiên văn, và do đó cung cấp một sự trần thuật có tính cách siêu hình hơn. Cái gút Ankh  chẳng phải độc nhất thuộc về Ai Cập. Nó hiện hữu dưới danh xưng pāsha, một sợi dây mà thần Shiva có bốn tay đã nắm trong bàn tay của cánh tay phải phía sau.^[4] Vị Đại Thiên thần (Mahādeva) cũng như nhà Đại Yogi (Mahāyogi) được tượng trưng trong tư thế của một nhà khổ hạnh, với con mắt thứ ba .

^[1] Chắc chắn là không; vì thường có những biểu tượng dùng để tượng trưng cho các biểu tượng khác, và đến lượt những cái này được dùng như biểu ý tự.

^[2] Chữ R trong mẫu tự Slavonian và Nga cũng là chữ P La Tinh.

^[3] Như trên, trang 423.

^[4] Xem *Vạn Thần Miếu Ấn Độ*, của Moor, bản xiii.

là "Ru ① đặt thẳng đứng trên chữ thập Tau" dưới một hình thức khác. Cái pāsha được nắm trong tay theo cách mà ngón thứ nhất và bàn tay gần ngón cái, tạo thành chữ thập, hoặc cái gút và sự đan chéo. Các nhà Đông phương học của chúng ta muốn nó tượng trưng cho một sợi dây để cột những kẻ phạm tội bước binh, vì đúng ra, Kālī, vợ của Shiva có cái pāsha ấy như một vật tượng trưng!

Cái pāsha ở đây có một ý nghĩa kép, như cái *chĩa ba* (*trishūla*) của Shiva và mọi vật tượng trưng thiêng liêng khác. Ý nghĩa kép này ẩn trong Shiva, vì Rudra chắc chắn có cùng ý nghĩa như Chữ thập có Quai ở Ai Cập trong ý nghĩa vũ trụ và thần bí của nó. Trong tay của Shiva, pāsha trở nên linga-yonic (thư hùng). Shiva như đã nói ở trên là danh hiệu bất tri trong kinh *Veda*. Chính trong *White Yajur Veda*, mà Rudra đã xuất hiện lần đầu tiên như vị Thần Vĩ đại, Đại Thiên thần mà biểu tượng của Ngài là Lingam. Trong *Rig Veda*, Ngài được gọi là Rudra, "kẻ hò hét", là vị Thần ban ân và đồng thời giáng họa, Chữa trị và Hủy diệt. Trong *Vishnu Purāna*, Ngài là vị Thần nảy sinh ra từ trán của Brahmā, tách biệt ra thành thư và hùng, và Ngài là cha của Rudras hay Maruts, một nửa thì sáng rõ, hiền hòa, còn một nửa kia thì hắc ám và hung dữ. Trong các kinh *Vedas*, Ngài là Chơn ngã Thiêng liêng, đang khao khát trở về trạng thái thuần khiết thiêng liêng của mình, và đồng thời Chơn ngã Thiêng liêng ấy bị giam hãm trong hình thức thể tục, mà những dục vọng hung hãn làm cho nó trở nên "kẻ gặm thét", "kẻ khủng khiếp". Điều này được nêu rõ trong *Bṛihadāranyaka Upanishad*, trong đó các Rudras, hậu duệ của Rudra, Hỏa thần, được gọi là "mười hơi thở sống động (*prāna*, sự sống) với quả tim (*manas*), như là thứ mười một", ^[1] trong khi với tư cách Shiva, Ngài là vị *hủy diệt* sự sống ấy. Brahmā gọi Ngài là Rudra, ngoài ra còn đặt cho Ngài bảy danh xưng khác, có nghĩa là bảy hình thức của sự biểu hiện và cũng là bảy quyền năng của thiên nhiên, vốn dĩ phá hủy nhưng để tái tạo hay tái sinh.

Do đó, cái gút có hình chữ thập, hay *pāsha*, trong tay Thần Shiva khi Ngài tiêu biểu cho một nhà khổ hạnh, vị Đại Yogi, không mang một ý nghĩa sinh thực khí nào và thật ra phải có một sự tương tượng mãnh liệt theo chiều hướng này để tìm ra một ý nghĩa như thế ngay chính trong một biểu tượng về thiên văn. Như một biểu tượng về "cửa, cổng, miệng, lối thoát" có nghĩa là "khung cửa hẹp" dẫn tới Thiên quốc, xa hơn là "nơi sinh" theo ý nghĩa sinh lý.

Thật vậy, đó chính là một *Chữ thập trong một Vòng tròn* và *Chữ thập có Quai*; nhưng đó là một chữ thập mà trên đó mọi dục vọng con người phải được kiềm chế trước khi nhà Yogi có thể vượt qua "khung cửa hẹp", vòng tròn hẹp được nói rộng thành vòng tròn vô hạn, ngay khi Con người *Nội tâm* đã vượt qua được ngưỡng cửa.

Về bảy vị Hiền triết huyền bí trong chòm sao Đại Hùng tinh, nếu Ai Cập khiến cho các Ngài thiêng liêng đối với "sự sinh dục cổ sơ nhất, Typhon", thì Ấn Độ đã liên kết các biểu tượng này, cách đây nhiều thời đại, với Thời gian hay sự xoay vòng của *Yuga*, và Bảy Hiền triết đã liên kết mật thiết với thời hiện đại chúng ta – thời Mạt pháp đen tối. ^[2] Vòng tròn vĩ đại của Thời gian, mà trên mặt nó, sự tương tượng của người Ấn Độ đã tượng trưng con Cá heo, hay Shishumāra, có chữ thập đặt trên đó do

^[1] Xem *Từ Điển Cổ Điển Ấn Độ*, của Dowson, dưới từ "Rudra."

^[2] Được mô tả trong *Sứ mạng của những người Do Thái*, do Hầu tước St. Yves d'Alveydre, nhà đại tư tế và vị lãnh đạo của một nhóm lớn các nhà Kabbalah Pháp, như là Hoàng kim Thời đại.

bản chất trong sự phân chia của nó và sự định vị các vì sao, hành tinh và chòm sao. Trong *Bhāgavata Purāna* ^[1] có nói:

Ở chót đuôi của con vật này, đầu hướng về nam, còn thân thể thì cong theo hình cái vòng, Dhruva [ngoại cực tinh] được đặt đề; dọc theo đuôi của nó là Prajāpati, Agni, Indra, Dharma, . . . xuyên qua thắt lưng nó có bảy vị Hiền triết. ^[2]

Đây là chữ thập và vòng tròn tối cổ, do Thượng Đế tạo nên, tượng trưng bởi Vishnu, Vòng tròn Vĩnh cửu của Thời gian Vô cùng, Kāla, trên cõi ấy tất cả những vị Thần, những tạo vật và tất cả những sự sáng tạo trong Không gian và Thời gian – mà như Triết lý có đề cập, tất cả đều chết vào Đại Chu kỳ Hỗn nguyên.

Trong lúc ấy, chính bảy vị Hiền triết đánh dấu thời gian và kỳ gian của các biến cố trong chu kỳ thất phân thuộc Sự Sống của chúng ta. Các Ngài cũng huyền bí như các người vợ tượng trưng của các Ngài, các Pleiades, chỉ là một trong số ấy – bà lần tránh – đã tỏ ra có đức hạnh. Các Pleiades hay Krittikā, là các nhũ mẫu của Kārtikeya, Thần Chiến tranh (Thần Mars của người Ngoại giáo phương Tây), Ngài được gọi là vị Chỉ huy của các Đạo binh Thiên giới, hay đúng hơn, của Siddhas – Siddha-sena (được dịch là các nhà Yogis trên Trời và các Hiền triết thánh thiện trên Địa cầu) – vị này muốn đồng hóa Kārtikeya với Michael, "Thủ lĩnh của các Đạo binh Thiên giới", và cũng như chính người là một Kumāra trinh khiết. ^[3] Người chính là vị Guha, *Đấng Huyền bí*, chẳng khác bảy vị Hiền triết và các vị Krittikā, bảy vị Hiền triết và các Pleiades, vì sự diễn giải về tất cả các vị này được phối hợp với sự khai mở đối với Cao đồ, các bí nhiệm vĩ đại nhất của Thiên nhiên Huyền bí. Một điều đáng chú trọng trong vấn đề này về chữ thập và vòng tròn, vì nó dựa một cách chắc chắn trên các hành Hỏa và Thủy, chúng đóng một vai trò quan trọng trong khoa biểu tượng của vòng tròn và chữ thập. Cũng thế, Thần Mars mà Ovid giới thiệu như được sinh ra chỉ do một mình Mẹ ngài là Juno, không có sự tham dự của người cha, hoặc cũng giống như các Đấng Hóa thân (thí dụ Đức Krishna) – ở Tây phương cũng như Đông phương – Kārtikeya ra đời một cách còn kỳ diệu hơn, không do mẹ hoặc cha sinh ra, mà chỉ thoát thai từ mầm giống của Rudra-Shiva, bị ném vào trong Lửa (Agni) rồi lại được Nước (sông Ganges) tiếp nhận. Như thế người được sinh ra từ *Lửa* và *Nước* – "một cậu bé sáng như Mặt trời và đẹp như Mặt trăng". Do đó, y được gọi là Agnibhū (con của Agni) và Gangāputra (con của sông Ganges). Thêm vào đó, như kinh *Matsya Purāna* cho biết là sự kiện các Krittikā, các nhũ mẫu của cậu, được Agni thống quản, hoặc theo ngôn từ chính thống, "bảy vị Hiền triết ngang hàng với Agni sáng chói", và do đó "Krittikā đồng nghĩa với Āgneya" ^[4] – và sự liên giao được đeo đuổi dễ dàng.

Lúc bấy giờ, chính các vị Hiền triết đánh dấu thời gian và các Chu kỳ Mạt pháp, thời kỳ tội lỗi và đau buồn. Như kinh *Bhāgavata Purāna* cho chúng ta biết:

^[1] Skanda v, chương xxiii.

^[2] Dịch theo bản tiếng Pháp của Burnouf, được dẫn chứng bởi Fitzedward Hall, trong *Vishnu Purāna*, của Wilson, Quyển ii, trang 307.

^[3] Người càng nổi tiếng hơn từ khi là kẻ sát hại Tripurāsura và Titan Tāraka. Michael là kẻ chiến thắng con rồng, và Indra và Kārtikeya thường được trình bày đồng nhất với nhau.

^[4] Như trên, iv, 235.

Khi sự huy hoàng của Vishnu, mệnh danh là Krishna, đi về trời, thì Thời kỳ Mạt Pháp, thời kỳ mà con người ham thích trong tội lỗi, xâm chiếm thế gian . . .

Khi bảy vị Hiền triết ở trong Maghā, thời đại Kali bao gồm 1.200 năm [thiên liêng] [432.000 năm thường] bắt đầu; và khi rời khỏi Maghā, các Ngài đến Pūrvāshādhā, bảy giờ thời đại Kali này sẽ đạt đến sự phát triển trọn vẹn của nó, dưới thời Nanda và những kẻ kế vị ông.^[1]

Đây là sự xoay vòng của các vị Hiền triết -

Khi hai ngôi sao đầu tiên của Bảy vị Hiền triết (Đại Hùng tinh) mọc trên trời và một vài chòm nguyệt tinh xuất hiện ban đêm ở một khoảng cách bằng giữa chúng, thì Bảy vị Hiền triết dừng lại trong sự liên kết đó khoảng một trăm năm,

– như một kẻ thù của Nanda khiến cho Parāshara nói ra. Theo Bently, điều này cốt chứng minh sự quan trọng về tuế sai của những phân điểm mà khái niệm này phát sinh trong các nhà thiên văn.

Điều này xem như một đường tưởng tượng hay hình tròn vĩ đại xuyên qua cực của hình ellipse và chỗ bắt đầu của Maghā cố định mà vòng tròn này được giả dụ là cắt qua một số sao trong chòm Đại Hùng tinh. . . . Bảy ngôi sao trong chòm Đại Hùng tinh được gọi là các vị đại diện Hiền triết, do đó, vòng tròn xem như được gọi là con đường của các vị Hiền triết; và vì nó cố định một cách không đổi ở khỏi điểm của Nguyệt tinh Maghā, người ta có thể tính tuế sai bằng cách ghi độ, v.v. . . . của bất cứ khu nhà nguyệt tinh chuyển động nào đó được cắt bởi đường hay vòng tròn đó như là một điều chỉ dẫn.^[2]

Về vấn đề niên đại của người Ấn Độ, còn có những cuộc tranh biện bất tận. Tuy nhiên, đây là một điểm có thể giúp cho việc xác định – ít ra theo lối phỏng chừng – đó là thời đại bắt đầu hệ thống biểu tượng ký về bảy vị Hiền triết và sự liên hệ của các Ngài với các nhóm Thất tinh. Khi Kārtikeya được các vị Thần ủy thác cho Krittikā nuôi dưỡng, các vị này chỉ có sáu, do đó Kārtikeya được trình bày với *sáu* cái đầu; nhưng khi sự tưởng tượng thi vị của những nhà biểu tượng ký Āryan đầu tiên khiến họ thành vợ của bảy vị Hiền triết, họ là *bảy*. Danh xưng của các vị ấy là Ambā, Dulā, Nitatūī, Abayantī, Maghāyantī, Varshayantī và Chupunikā. Tuy nhiên có hàng loạt danh xưng khác nữa. Trong mọi trường hợp, bảy vị Hiền triết hiện hữu để kết hôn với bảy vị Krittikā trước sự biến mất của nhóm Thất tinh thứ bảy. Mặt khác, làm thế nào mà các nhà thiên văn Ấn Độ có thể đề cập đến một ngôi sao không ai có thể thấy, không có sự giúp sức của các kính viễn vọng mạnh nhất? Có lẽ đây là lý do tại sao trong mỗi trường hợp như thế, đa số các biến cố được mô tả trong các ẩn dụ của người

^[1] Sách đã dẫn, XII, ii, 26-32; được trích dẫn trong *Vishnu Purāna*, bản dịch của Wilson, Quyển iv, trang 230. Nanda là vị Phật tử đầu tiên, Chandragupta, chống lại điều mà tất cả những người Bà la môn, Ngài thuộc Triều đại Morya, và là ông nội của Ashoka. Đây là một trong những đoạn không có trong các bản thảo kinh Purānas cổ sơ. Chúng được các vị Vaishnavas thêm vào, do sự hiềm thù của những kẻ cuồng tín, hầu hết giống như những kẻ tự ý thêm vào như các Linh mục Thiên Chúa giáo.

^[2] *Sử quan của Thiên văn Ấn Độ*, trang 65, trích dẫn trong *Vishnu Purāna*, Wilson, Quyển iv, trang 233.

Ấn Độ được ấn định "như một sáng kiến rất gần, chắc chắn *nội trong* kỷ nguyên Thiên Chúa".

Các thủ bản Bắc phạt tôi cổ về thiên văn, bắt đầu nhóm Nakshatras của chúng, hai mươi bảy chòm nguyệt tinh, bằng ký hiệu của Krittikā, và do đó, khó có một thời điểm sớm hơn 2.780 năm trước T.C. Điều này tùy thuộc vào "Lịch Veda", nó được chính các nhà Đông phương học chấp nhận, dù họ thoát khỏi sự khó khăn khi nói rằng Lịch này không *chứng tỏ* người Ấn Độ biết gì về thiên văn học ở thời đó và đảm bảo với độc giả của họ rằng bất chấp các lý của Lịch, những học giả Ấn Độ có thể hoạch định kiến thức của mình về các nguyệt tinh thất ở những người Phoenicians, đứng đầu là Krittikā v.v. . . . Tuy nhiên, có thể các chòm Thất tinh là nhóm trung tâm của hệ thống biểu tượng ký vũ trụ. Chúng trụ trên cổ của chòm sao Kim ngưu, do Mädler và những người khác đã thấy, trong thiên văn học, như *nhóm trung tâm* của hệ thống Ngân hà và theo kinh *Kabalah* cũng như Bí giáo Đông phương, như là sự *thất phân vũ trụ* phát xuất từ khía cạnh được biểu hiện đầu tiên của tam giác thượng, tam giác ẩn tàng Δ . Cạnh biểu hiện này chính là Kim ngưu, biểu tượng của NHẤT THỂ (con số 1), hoặc là chữ đầu tiên của mẫu tự Do Thái, Aleph (...^[1]) "Kim ngưu" hay "bò đực", mà tổng hợp là Mười (10), hay Yod (...^[1]), chữ và con số hoàn hảo. Chòm Thất tinh (nhất là Alcyone), như vậy, ngay cả trong thiên văn học, được xem như là trung điểm quanh nó, *vũ trụ của các định tinh của chúng ta đang quay quanh*, tiêu điểm mà từ đó và trong đó Hơi thở Thiêng liêng, sự Chuyển động, tạo tác không ngừng trong Chu kỳ Khai nguyên. Do đó, trong các biểu tượng về vũ trụ của Triết lý Huyền bí, phải chăng vòng tròn này với chữ thập đầy tinh tú trên mặt nó đóng một vai trò nổi bật hơn cả.

Giáo lý Bí truyền dạy chúng ta rằng mọi vật trong Vũ trụ, cũng như chính Vũ trụ, được hình thành ("được sáng tạo") suốt những chu kỳ biểu hiện của nó – bởi sự CHUYỂN ĐỘNG được gia tốc đặt vào sự hoạt động do HƠI THỞ của Quyền Năng hằng hữu bất khả tri – không biết được đối với nhân loại hiện nay, bất cứ trong trường hợp nào, trong thế giới hiện tượng. Tinh thần của Sự Sống và sự Bất tử được tượng trưng khắp nơi bằng một vòng tròn; do đó, con rắn cắn đuôi nó tiêu biểu cho Vòng tròn của sự Minh triết trong Vô cực; như chữ thập thiên văn – chữ thập nội tiếp trong một vòng tròn – và quả cầu có đôi cánh thêm vào nó, kể đó trở thành con Bọ hung linh thiêng của người Ai Cập, và tên của nó khêu gợi ý tưởng bí nhiệm gắn liền vào đó. Vì trong những chỉ thảo của người Ai Cập, con Bọ hung được gọi là Khopirron và *Khopri*, do động từ *khopron* có nghĩa "trở thành", và được chọn cách ấy như biểu tượng và biểu hiệu của sự sống con người và của những gì liên tục "trở thành" con người, xuyên qua những cuộc viễn du khác nhau và những cuộc luân hồi của linh hồn tự do. Biểu tượng thần bí này chứng tỏ một cách rõ rệt rằng những người Ai Cập tin vào sự luân hồi và các kiếp sống liên tục cùng sự hiện hữu của Thực thể Bất tử. Tuy nhiên, vì chính Giáo lý Bí truyền, chỉ được khai thị trong các Bí pháp cho các kẻ được tuyển chọn, do các vị Đạo trưởng và các vị Vua được điểm đạo giữ kín. Các Đấng Thông tuệ Vô thể (các Tinh quân Hành tinh hay các Mạnh lực Sáng tạo) luôn luôn được tượng trưng dưới hình thức các vòng tròn. Trong Triết lý cổ sơ của các vị Đạo trưởng, những vòng tròn *vô hình* này là các nguyên nhân và các nhà kiến tạo nguyên mẫu của tất cả những tinh cầu, vốn là các thể hay các lớp vỏ *hữu hình* của chúng và

^[1] Chữ tượng hình. (LND)

chúng là các linh hồn. Chắc chắn đó là một lời dạy phổ quát thuở xưa. ^[1] Proclus có nói:

Trước những con số toán học, có những số *tự chuyển động*; trước những đồ hình ngoại tại – những đồ hình sống động, và trước khi tạo ra những thể giới vật chất, *chúng chuyển động trong một vòng tròn*, Quyền năng Sáng tạo đã tạo ra những vòng tròn vô hình. ^[2]

Pherecydes nói trong bài Thánh ca về Jupiter: "Thượng Đế cũng là một vòng tròn". Đó là một công lý khép kín, còn Pythagoras truyền lệnh phải có sự phủ phục và tư thế giống hình tròn như thế trong các giờ thiền định. "Người sùng tín phải cố tiến gần đến dạng thức của một vòng tròn hoàn hảo", Thánh thư Bí nhiệm dạy như thế. Numa cố gắng truyền bá tập quán ấy trong quần chúng, Pierius giảng cho các độc giả của ông; còn Pliny thì nói:

Trong khi lễ bái, chúng ta khom tròn lại, như thế, có thể nói thân thể chúng ta thành một cái vòng – *totum corpus circumagimur*. ^[3] [Chúng ta làm cho toàn thân chúng ta thành một vòng tròn].

Linh thị của nhà tiên tri Ezekiel gọi lại thuyết thần bí về vòng tròn này một cách mạnh mẽ, khi ông thấy một "trót xoáy" từ đó hiện ra "một bánh xe trên mặt đất" mà sự tác động của nó "theo cách nào đó là một bánh xe giữa một bánh xe" – "vì tinh thần của tạo vật sống động ở trong bánh xe". ^[4]

"[*Tinh thần*] quay không ngừng . . . lại trở về theo những sự chu du của nó" – Solomon nói như thế, ^[5] trong *bản dịch* Anh văn, người ta đề cập đến "gió", còn trong bản văn nguyên thủy, cả hai ám chỉ *tinh thần* và *mặt trời*. Nhưng trong kinh *Zohar*, bản chú giải duy nhất đúng đắn của nhà Thuyết giáo Kabbalah – trong việc giải thích có lẽ mơ hồ và khó hiểu về đoạn thơ này – đã nói:

^[1] Xem Ezekiel, Quyền i.

^[2] *In Quynt, Lib. Euclid*.

^[3] Nữ thần Basht hay Pasht được tượng trưng bằng cái đầu con mèo. Ở Ai Cập, con vật này được xem như thiêng liêng vì nhiều lý do. Đó là một biểu tượng về Mặt trăng, "Con mắt của Osiris" hay "Mặt trời" của ban đêm. Con mèo cũng thiêng liêng đối với Sokhit. Một trong các lý do huyền bí của sự kiện này là thân nó cuộn lại thành hình tròn trong khi ngủ. Tư thế được xác định do các mục đích huyền linh và từ điện cốt để điều chỉnh theo một đường lối nào đó, sự tuần hoàn của dòng sinh lực mà con mèo được đặc biệt phú cho. "Chín kiếp sống của con mèo" là một câu nói bình dân dựa trên các lý do tốt lành về sinh lý và huyền linh. Ông Gerald Massey cũng nêu lên một lý do về thiên văn mà người ta có thể thấy trong Quyền 2, trang 15 và tiếp theo trong tác phẩm được trình bày. "Con mèo thấy mặt trời, con mèo có mặt trời trong mắt của nó vào ban đêm [là con mắt của đêm], khi con người không nhìn thấy nó một cách khác [vì Mặt trăng phản chiếu ánh sáng của Mặt trời, thế nên con mèo được ví như phản chiếu Mặt trời vì đôi mắt lân tinh của nó]. *Chúng ta có thể nói rằng mặt trăng phản chiếu ánh sáng mặt trời vì chúng ta có các gương soi*. Đối với họ, mắt mèo là cái gương". (*Khoa Sùng bái Nguyệt cầu Cổ và Hiện đại*", trang 2.)

^[4] Ezekiel, i, 4, 15, 16, 20.

^[5] *Eccles.*, i, 6.

Dường như nói rằng mặt trời chuyển động vòng quanh, trong khi nó quay về Tinh thần *dưới mặt trời*, được gọi là Thánh thần, chuyển động quay tròn, hướng về hai mặt, để cả hai [Ngài và mặt trời] *sẽ hợp nhất dưới cùng một Bán thể*.^[1]

Từ trong "Kim noãn" của Bà la môn, Đấng Thánh linh Sáng tạo xuất hiện, là "Vòng tròn với Điểm Trung tâm" của Pythagoras, và biểu tượng thích ứng của nó. Trong Giáo lý Bí truyền, Nhất thể ẩn tàng, dù tượng trưng Parabrahman, hay "Thái cực" của Khổng Tử, hay Đấng Thiêng liêng ẩn tàng bởi Phtah, Ánh sáng Vĩnh cửu, hoặc Ain Soph của Do Thái thì luôn luôn được tượng trưng bởi một vòng tròn hoặc "số không" (cái Không tuyệt đối, vì nó là *Vô cực* của Vạn hữu); trong khi Thượng Đế biểu hiện (do công trình của Ngài) được cho là *Đường kính của Vòng tròn* đó. Như thế, biểu tượng ký của ý tưởng ẩn tàng đã hiển nhiên: đường thẳng đi xuyên qua tâm vòng tròn, trên ý nghĩa hình học, có bề dài, nhưng không có bề rộng và dày; đó là một biểu hiệu tượng tượng thuộc âm, đang xuyên qua vĩnh cửu và an nghỉ trên cảnh giới hiện thực của *cõi hiện tượng*. Ấy là *kích thước*, trong khi vòng tròn không có kích thước, hoặc nếu dùng duy nhất từ đại số, thì đó là kích thước của một phương trình. Một lối khác của việc tượng trưng ý tưởng được tìm thấy trong *Thập bộ* thiêng liêng của Pythagoras, nó tổng hợp trong con số *Mười kép* (số một và vòng tròn hay số không), cái TOÀN THỂ Tuyệt đối tự biểu hiện trong *Ngôi Lời* hay Quyền năng Sinh hóa và Sáng tạo.

B. SỰ SA VÀO VẬT CHẤT CỦA CHỮ THẬP

Những người có khuynh hướng biện luận về biểu tượng của Pythagoras này bằng cách bài bác rằng nó không được minh xác ở thời kỳ xa xưa mà số không xuất hiện lần đầu – nhất là ở Ấn Độ – xin hãy tham khảo bộ *Nữ Thần Isis Lộ Diện*.^[2]

Khi thừa nhận luận cứ rằng thế giới cổ đại không biết đến phép tính hoặc số Ả Rập – dù trong thực tế chúng ta thấy ngược lại – ý tưởng về *vòng tròn* và *đường kính* ở đây chứng tỏ rằng đó là biểu tượng *đầu tiên* về vũ trụ khai tịch. Trước các Tam tự của Phục Hi. *Yang*, sự hợp nhất và *Yin*, nhị thể,



DƯƠNG ÂM

đã được Éliphas Lévi^[3] giải thích khá khéo léo, Trung Hoa có Khổng tử và tín đồ Lão giáo. Biểu tượng thứ nhất định giới hạn "Thái cực" bên trong một vòng tròn với một đường nằm ngang xuyên qua; biểu tượng sau có ba vòng tròn đồng tâm nằm dưới vòng tròn lớn, trong khi nhà Hiền triết Sung trình bày "Thái cực" trong vòng tròn trên, còn Trời và Đất trong hai vòng tròn dưới và nhỏ hơn. Các Yangs (Dương) và Yins (Âm) là một khám phá gần đây. Plato và trường phái của ông không bao giờ hiểu

^[1] Fol. 87, col. 346.

^[2] Quyển II, trang 299, 300.

^[3] *Giáo điều và Nghi thức của Huyền thuật Cao đẳng*, i, trang 124. Xem thêm *T' sang-tung-ky*, của Wei-Pa-Yang.

Thượng Đế một cách khác, mặc dù ông áp dụng nhiều thuộc từ đối với “Thượng Đế siêu việt”. Plato, với tư cách Điểm đạo đồ, không thể tin vào một Thượng Đế nhân hình – một cái Bóng khổng lồ của Con người. Hình dung từ về “Quân chủ” và “Nhà Lập pháp của Vũ trụ” của ông mang một ý nghĩa trừu tượng được các nhà Huyền bí học hiểu rõ, họ tin vào Định luật Duy nhất cai quản Vũ trụ không kém bất cứ người Thiên Chúa giáo nào, và đồng thời nó bất di bất dịch. Plato nói:

Bên kia mọi cuộc sống hữu hạn và các nguyên nhân *thứ yếu*, tất cả mọi quy luật, ý niệm và nguyên tắc, có một Thông tuệ hay Trí tuệ, nguyên lý đầu tiên của mọi nguyên lý, Ý niệm Tối cao làm nền tảng cho tất cả các ý tưởng khác, . . . bản chất *tối hậu từ đó mọi vật được phát xuất bản thể và tinh hoa của chúng*, Nguyên nhân Đầu tiên và có hiệu quả của mọi trật tự và hài hòa, mỹ lệ và tuyệt hảo, và đức tính vốn dĩ thâm nhập cả Vũ trụ.

Do tính cách ưu việt và tuyệt diệu, Trí tuệ này được gọi là Thiên hảo Tối cao,^[1] “Thượng Đế”, và vấn đề Thượng Đế Siêu việt. Như chính Plato trình bày, các từ này không áp dụng cho “Đấng Sáng tạo” cũng như cho “Đấng Cha lành” của các nhà Độc thần hiện đại, mà là cho Nguyên nhân *Lý tưởng* và Trừu tượng. Vì như ông nói: “*Geos* này, Thượng Đế siêu việt, *không phải là chân lý hay sự thông tuệ*, mà là TỪ PHỤ của nó”, và Nguyên nhân đầu tiên của nó. Phải chăng Plato, vị đệ tử vĩ đại nhất của các nhà Hiền triết cổ, chính ông là một nhà Hiền triết, kẻ mà chỉ có một mục đích duy nhất phải đạt cho được trong kiếp sống này – SỰ HIỂU BIẾT CHÂN THỰC – ông có bao giờ tin vào một vị Thượng Đế luôn luôn nguyên rũa và kết án con người về một lỗi lầm nhẹ nhất? ^[2] Chắc chắn không, ông chỉ được xem như thuộc vào số các triết gia chân chính và kẻ tìm chân lý đã sở đắc được kiến thức về cái *hiện thể thực sự* đối nghịch với cái giả tạm; và của cái *hiện hữu trường tồn* đối với cái đầy vơi lần lượt phát triển và tàn lụi. ^[3] Speusippus và Xenocrates theo vết chân của ông. Đấng DUY NHẤT, nguyên thủy, không *hiện hữu* theo ý nghĩa do con người hữu tử gán cho. Đấng

^[1] *Thiên Chúa giáo và Triết lý Hy Lạp*, của Cocker, xi, trang 377. [Xem *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, Quyển i, xii.]

^[2] Tiếng kêu vô vọng do Bá tước De Montlosier thốt ra, trong tác phẩm của ông *Các Bí nhiệm của Đời sống Con người* (trang 117) là một bảo đảm rằng Căn nguyên của sự “Tuyệt hảo và Thiên tính”, được Plato giả dụ là đang thẩm nhuận Vũ trụ, thì không phải là Thượng Đế của ông, cũng không phải Thế giới của chúng ta. “Trước cảnh tượng biết bao sự cao cả đối nghịch với bao sự khốn cùng, tinh thần bắt đầu quan sát cái bao quát rộng lớn này, tôi không biết sự cao cả thiêng liêng nào xuất hiện, *một sự thiêng liêng vĩ đại hơn và dũng mãnh hơn*, như đã tan vỡ thành từng mảnh vụn, vung vãi các mảnh đó khắp Vũ trụ”. [Khi thấy được có biết bao nhiêu mức độ lớn lao tương phản với biết bao nhiêu sự khốn khổ, thì tâm trí bắt đầu quan sát cái tổng thể lớn lao đó bèn tưởng tượng ra một loại đấng thiêng liêng cao cả nào đấy mà một đấng thiêng liêng còn cao cả và nghiêm xác hơn nữa (tạm gọi như vậy) phân thân ra thành những mảnh vụn rồi rải rác phần còn lại trong khắp vũ trụ]. “Sự thiêng liêng còn vĩ đại và dũng mãnh hơn” hơn là Thượng Đế của thế giới này, được giả sử rất “tốt lành” – là Karma. Và Thượng Đế thực sự này chứng tỏ rằng vị Thượng Đế thứ yếu, Thượng Đế *nội tâm* của chúng ta (có tính nhân hình trong phút chốc), không có sức mạnh nào để ngăn cản bàn tay mạnh mẽ của vị Thượng Đế vĩ đại hơn này – Nguyên nhân được khơi hoạt bởi những hành động xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ hơn – điều đó được gọi là Định luật Báo phục.

^[3] Xem *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, Quyển i, trang xii và xviii.

...^[1] (hiển vinh) ngự trong trung tâm như trong vòng tròn, nhưng chỉ là *phản ánh của Thượng Đế* – Linh hồn Thế giới^[2] – mặt phẳng thuộc bề mặt của vòng tròn. Chữ thập và vòng tròn là một quan niệm phổ quát – cũng xưa cổ như chính trí tuệ con người. Người ta thấy chúng trên đầu danh sách của một loạt dài những cái có thể gọi là biểu tượng quốc tế, nó rất thường diễn đạt những chân lý khoa học lớn lao, chưa kể đến các liên quan trực tiếp của chúng với những bí nhiệm về tâm lý và ngay cả đến sinh lý nữa.

Người ta chẳng giải thích được gì như Éliphas Lévi, khi nói rằng Thượng Đế, Tình thương phổ quát, có *Nhất thể* đương để đào xới hố thẳm trong *Nhị thể* âm, hay Hồng nguyên khí (Chaos), do đó, tạo ra thế giới. Thêm vào quan niệm thô tục, nó không giải quyết sự khó khăn người ta cảm thấy trong khi nhận thức mà không mất sự tôn kính trong những phương cách quá nhiều nhân tính đối với Thượng Đế. Chính vì muốn tránh những quan niệm thần nhân đồng hình như thế mà các Điểm đạo đồ không bao giờ sử dụng hình dung từ "Thượng Đế" để chỉ Nguyên lý Độc nhất Vô nhị trong Vũ trụ và – trung thành với việc này trong những truyền thống cổ sơ nhất của Giáo lý Bí truyền trên khắp thế giới – họ chối bỏ công việc bất toàn và thường hơi thiếu trong sạch như thế có thể luôn luôn thoát thai từ sự Hoàn hảo Tuyệt đối. Đề cập đến những khó khăn về siêu hình học còn lớn lao hơn ở đây thật là vô ích. Giữa thuyết Vô thần thuần túy và thuyết thần nhân đồng hình khờ dại, phải có một triết lý chiết trung và một sự hòa giải. Sự Hiện diện của Nguyên lý Vô hình trong toàn thể Thiên nhiên và sự biểu hiện cao nhất của nó trên Thế gian – chỉ có Con người mới có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề, đó là vấn đề của nhà toán học mà mẫu tự x phải luôn luôn vượt khỏi sự lãnh hội của đại số học trần gian. Người Ấn Độ đã cố gắng giải quyết nó bằng các vị Hóa thân, những người Thiên Chúa giáo *tin rằng* họ đã làm như thế – bằng sự Lâm phạm thiêng liêng duy nhất của họ. Trên phương diện Ngoại môn – cả hai đều nhằm lẫn; trên phương diện Nội môn, cả hai đều tiến đến rất gần chân lý. Giữa các Sứ đồ của tôn giáo Tây phương, chỉ có Thánh Paul hình như đã thấu hiểu – nếu không được mặc khải hiện giờ – bí nhiệm cổ sơ về chữ Thập. Còn tất cả những vị khác, bằng cách hợp nhất và phân hóa Bản lai Diện mục Phổ quát, đã tổng hợp nó thành một biểu tượng duy nhất – Điểm chính của Thập giá hình – do đó, họ tỏ ra chẳng bao giờ nắm được tinh thần chân chính trong giáo lý của Đấng Christ mà đúng hơn họ đã làm cho nó bằng nhiều cách, bởi những giải thích sai lạc của họ. Họ đã quên tinh thần của biểu tượng phổ quát này và đã độc chiếm nó một cách ích kỷ – dù cho sự Vô hạn và Vô cực có thể luôn luôn bị giới hạn và có điều kiện đối với một sự biểu hiện bị cá nhân hóa chỉ ở một người, hay ngay cả trong một quốc gia!

Bốn cánh tay của ✕ hay thập tự khép kín, hướng về bốn điểm chính – được trí tuệ huyền linh của người Ấn Độ, người Bà la môn và các Phật tử hiểu rõ, nhiều thế kỷ, trước khi người ta nghe nói đến nó ở Âu châu, vì biểu tượng này đã và đang được tìm thấy trên khắp thế giới. Họ bẻ cúp phần cuối của chữ thập này và biến nó thành chữ Vạn 卐 của họ, bây giờ là chiếc Đũa thần của Phật tử Mông Cổ.^[3] Nó hàm ý rằng

[1] Chữ tượng hình. (LND)

[2] Stobæus *Ecl.*, i, 862, [Xem Isis. Quyển I, trang xviii.

[3] Chữ Vạn chắc chắn là một trong những biểu tượng xưa nhất của những Căn chủng Cổ sơ. Kenneth R. H. Mackenzie (*Bách khoa Tam Điểm Hoàng gia*) nói: Trong thế kỷ của chúng ta chữ Vạn "đã tồn tại dưới hình thức cái vò" trong Huynh đệ thuộc Hội Tam Điểm.

"trung điểm" không bị giới hạn đối với riêng một cá nhân nào, dù là hoàn toàn; và Nguyên lý (Thượng Đế) ở trong Nhân loại, còn Nhân loại, cũng như tất cả những phần còn lại, cũng ở trong Nó, giống như các giọt nước trong biển cả, bốn phần dưới hướng về bốn điểm chính, rồi chúng biến mất trong vô cực.

Isarim, một Điểm đạo đồ, được xem như đã tìm thấy ở Hebron, trên xác chết của Hermes, tấm bảng đá quý mà người ta cho rằng có chứa đựng tinh túy của sự Minh triết Bí nhiệm. Giữa các câu khác, trên đó được khắc các câu:

Phân cách đất với lửa, sự tinh tế với sự thô tục. . . .
Hãy leo . . . từ đất đến trời rồi xuống đất lại.

Bí nhiệm về chữ thập hàm chứa trong các từ này và sự bí nhiệm gấp đôi của nó được giải quyết – đối với nhà Huyền bí học.

Chữ thập có tính cách triết học, hai đường thẳng chạy theo hai hướng ngược nhau, đường nằm ngang và đường thẳng đứng, chiều cao và chiều rộng mà Thượng Đế phân chia ở giao điểm và tứ phân ma thuật cũng như tứ phân khoa học, khi nó nội tiếp trong hình vuông hoàn hảo, đó là nền tảng của nhà Huyền bí học. Trong giới hạn thần bí của nó có chiếc chìa khóa then chốt có thể mở cánh cửa của tất cả khoa học về vật lý cũng như tâm linh. Nó tượng trưng sự hiện hữu thuộc về nhân loại của chúng ta, vì vòng tròn của sự sống tiếp xúc với bốn điểm của chữ thập, vốn tiêu biểu một cách liên tục sự sinh, sự sống, sự chết và *sự bất tử*.^[1]

Nhà luyện đan nói: "Người hãy bám sát vào bốn chữ của tứ tự sắp xếp theo cách sau đây. Các chữ của danh xưng không thể tả là đây, mặc dù người ta có thể không phân biệt chúng trước tiên. Công lý không thể truyền đạt là cái chứa đựng trong ấy theo kinh Kabbalah và chính đó là những gì mà các Chơn sư gọi là nội môn ma thuật."^[2]

Còn nữa:

Chữ Tau, **T**, và chữ thập thiên văn của Ai Cập, $\oplus$ ^[3] đều lộ rõ trong nhiều kẻ hở thuộc những di tích Palenque. Ở một trong *các chỗ lõm* của Cung điện của Palenque, bên phía tây, người ta thấy một chữ thập Tau được chạm trổ như một chữ tượng hình, ngay ở phía dưới của nhân vật đang ngồi. Nhân vật đứng nghiêng mình trên người kia, trong động tác che đầu người ấy bằng bàn tay trái với tấm lưới choàng của sự truyền thụ; trong khi y đưa bàn tay mặt tới trước với ngón trỏ và ngón giữa chỉ lên trời. Hiện nhiên, đây là tư thế của một vị Giám mục Thiên Chúa giáo đang ban ân huệ, hay là tư thế trong đó Đức Jesus thường được trình bày trong Bữa ăn Cuối cùng.^[4]

Vị Đạo trưởng Ai Cập có chiếc nón hình vuông mà người luôn luôn đội khi thi hành phận sự. Những chiếc nón vuông này được các giáo sĩ Armenia đội cho đến ngày nay, Thập tự Tau hoàn hảo – được tạo nên do đường thẳng góc (tia giáng hạ dương) và

Trong nhiều "ý nghĩa" do tác giả nêu ra, chúng ta không thấy ý nghĩa quan trọng nhất, dĩ nhiên, các Hội viên Tam Điểm không biết đến nó.

^[1] *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, Quyển I, trang 508.

^[2] Như trên, trang 506.

^[3] Như trên, trang 506.

^[4] Như trên, trang 572.

đường nằm ngang (Vật chất, nguyên lý âm) – và cái vòng tròn của thế giới là các vật tượng trưng của Isis, và chỉ có lúc chết, chữ thập Ai Cập mới được đặt trên ngực xác ướp. Yêu sách xem chữ thập như một biểu tượng thuần túy Thiên Chúa giáo, xâm nhập sau thời đại của chúng ta quả thật là kỳ lạ, khi chúng ta thấy Ezekiel đóng lên trên trán những người ở Judah vốn sợ Chúa Trời, ^[1] với chữ *signum Thau*, như đã được phiên dịch trong bản Thánh thư bằng tiếng La Tinh. Đối với dân Do Thái cổ, dấu hiệu này được vẽ như sau ✕, nhưng trong các chữ tượng hình Ai Cập nguyên thủy, nó như thập tự Thiên Chúa giáo hoàn toàn ✚ (Đó là biểu tượng của sự kiên cố). Trong *Khải huyền* cũng thế, "Alpha và Omega" – Tinh thần và Vật chất – thủy và chung, in danh hiệu của Tử phụ trên trán của những kẻ *được tuyển chọn*. Moses ^[2] ra lệnh cho dân tộc của ông đánh dấu ở *cửa* và *cây đà ngang* bằng máu, sợ rằng "Chúa Trời" làm lẫn và đánh đập người thuộc dân tộc được tuyển chọn của ông, thay vì những người Ai Cập bị kết án. Và dấu hiệu đó là chữ thập Tau! – tương đồng với chữ thập có quai của Ai Cập, với một nửa của linh vật hộ phù Horus phục sinh những người chết, như được trình bày trên một bản chạm đã điều tàn ở Philæ.

Việc đề cập đến chữ Vạn và chữ Tau trong bản văn cũng đã khá đủ. Thật ra, người ta có thể tìm thấy những di tích của chữ thập đến tận chiều sâu không đo lường được của những thời đại cổ sơ! Sự bí nhiệm bao trùm trở nên dày đặc hơn là sáng sủa khi chúng ta gặp nó trên các pho tượng của Đảo Phục sinh ở Ai Cập cổ, trong vùng Trung Á, được khắc trên đá, dưới hình thức chữ Tau và chữ Vạn, vào thời Tiền Thiên Chúa giáo Scandinavia ở khắp nơi! Tác giả quyển *Nguồn gốc các Kịch thước* đã bối rối trước bóng tối vô tận quay ngược về thời cổ đại, và ông không thể theo dấu vết riêng của một quốc gia hay một nhân vật nào. Ông cho thấy những Targums do người Do Thái truyền lại, đã bị sự phiên dịch làm cho tối tăm. Trong *Joshua* ^[3] đọc trong chữ Á Rập và trong *Targum của Jonathan*, có nói: "Hắn đóng đinh Hoàng Đế Ai trên một cái cây".

Việc phiên dịch bản kinh Cựu Ước và Ngụy kinh (Steptuagint) bị đình hoãn vì một *chữ kép* hay *thập tự* (Words-worth về Joshua.) . . . Sự trình bày kỳ lạ nhất về loại này được thấy trong *Các Số* (xxv, 4), chỗ đó Onkelos (?) đọc là: "*Hãy đóng đinh chúng trước Đức Chúa Trời (Jehovah) ngược với ánh nắng*". Chữ ở đây là . . ., ^[4] *đóng đinh trên*, được dịch một cách hợp lý (Fuerst) trong bản Thánh thư La Tinh là *thập tự giá hình*. Chính cấu trúc câu này có tính cách thần bí. ^[5]

Thật thế, nhưng tinh thần câu ấy luôn luôn bị hiểu sai. "Thập tự giá hình trước (trước chứ không phải nghịch) Ánh nắng" là câu được sử dụng trong phép Điểm đạo. Câu này có nguồn gốc ở Ai Cập và Ấn Độ cổ sơ. Sự bí ẩn chỉ có thể khám phá nhờ tìm kiếm chiếc chìa khóa trong những Bí pháp của Điểm đạo. Vị Cao đồ được Điểm đạo, đã thành công trong việc vượt qua tất cả những thử thách, bị *buộc vào*, không phải *đóng đinh*, mà chỉ bị cột vào một cái giường có hình dáng chữ Tau, T, ở Ai Cập,

^[1] Ezekiel, ix, 4.

^[2] Exodus, xii, 22.

^[3] Chương viii, 29.

^[4] Chữ tượng hình. (LND)

^[5] Sách đã dẫn, trang 204.

dưới hình thức chữ Vạn không có bốn phần thêm vào (卐 chứ không phải 卐) ở Ấn Độ, rồi bị chìm trong một giấc ngủ thâm sâu – "Giấc ngủ của Siloam", như được gọi cho đến hiện nay giữa các Điểm đạo đồ ở Tiểu Á, ở Syrie và ngay cả ở Thượng Ai Cập. Y bị bỏ trong trạng thái này ba ngày và ba đêm, thời gian mà Chơn ngã Tâm linh của y được xem như "trò chuyện" với các vị "Thượng Đế", phải đi xuống Hades, Amenti hay Pātālā – tùy theo xứ – và làm những việc từ thiện cho các Đấng Vô hình, dù là Linh hồn con người hay là các Tinh linh; trong suốt thời gian này, thể xác của y được giữ trong hầm mộ của một thánh điện hoặc trong hang động dưới đất. Ở Ai Cập, thể xác ấy được đặt trong Thạch mộ ở Vương cung của Kim tự tháp Cheops, và trong đêm trước ngày thứ ba, y được mang tới lối vào của một hành lang, vào một giờ nào đó tại đây các tia sáng của Mặt trời đang lên chiếu vào mặt của Thí sinh đang hôn mê, y thức tỉnh để được điểm đạo do Osiris và Thoth, vị Thần Minh triết.

Hãy để cho độc giả đang ngờ vực câu chuyện trên, tham khảo thêm nguyên bản bằng tiếng Do Thái trước khi phủ nhận. Y nên tìm một vài chỗ *chạm nổi* gợi ý nhất của Ai Cập. Nhất là một cảnh trong đền thờ Philæ, tiêu biểu cho một *cảnh điểm đạo*. Hai vị Đạo trưởng, một vị có mang con chim ưng trên đầu (Mặt trời), vị kia mang một con cò lừa (Mercury, Thot, Thần Minh triết và Kiến thức Bí nhiệm, vị cổ vắn của Osiris-Nhật tinh) đang đứng trên thân của một Thí sinh vừa được điểm đạo. Họ đang đổ trên đầu một luồng nước (nước của Sự Sống và sự Tái sinh), các dòng nước trộn lẫn với hình thể của chữ thập và đầy những chữ thập nhỏ có quai. Đó là ẩn dụ của sự thức tỉnh Thí sinh, từ đây, y là một Điểm đạo đồ, khi những tia nắng của Mặt trời buổi sớm, Osiris, rọi vào đỉnh đầu y; *thể xác hôn mê của y được đặt lên trên chữ thập Tau bằng gỗ để nhận những tia nắng*. Rồi vị Đạo trưởng Điểm đạo xuất hiện và những thánh lễ được tuyên đọc hiển nhiên với Thần Osiris-Nhật tinh, song thật ra là đối với Thần Mặt trời-Tinh thần, đang soi sáng con người mới được sinh.

Hãy để cho độc giả suy gẫm về sự liên hệ của Mặt trời với chữ thập từ thời cổ sơ nhất, trong cả hai năng lực sinh sản và tái sinh về tinh thần. Hãy để y quan sát ngôi mộ của Bait-Oxly, trong triều đại Ramses II, rồi y sẽ thấy các chữ thập trong mọi hình thức và vị thế; ngay cả trên ngai vàng của vị Hoàng đế này, và sau cùng trên một mảnh vỡ tiêu biểu cho sự sùng tín của Bakhan-Alearé, trong Đại sảnh của các tổ phụ của Totmes III, hiện nay được duy trì trong Thư viện Quốc gia tại Paris. Trong nghệ thuật điêu khắc và hội họa kỳ diệu này mà người ta thấy cái đĩa của Mặt trời đang chiếu trên một chữ thập có quai được đặt trên một chữ thập khác mà trên đó chữ thập của Calvary được mô phỏng lại hoàn toàn. Các Thủ bản cổ xưa đề cập đến điều này như những "cái giường khắc khổ của những kẻ đang làm việc [tinh thần], *trong động tác sinh ra chính họ*". Một số "giường" có hình thức chữ thập như thế, trên đó các Thí sinh chìm trong trạng thái hôn mê thâm sâu ở cuối cuộc Điểm đạo tối cao của họ, đặt dính chắc trong những phòng dưới đất của các Thánh điện Ai Cập bị khám phá sau sự phá hủy của họ. Những vị khả kính và những Thánh Cha thuộc mẫu như Cyril và Theophilus đã sử dụng chúng một cách tự do, vì tin rằng chúng đã mang lại và che giấu ở đó một vài hoán cải mới mẻ. Chỉ có Origen, và sau y là Clemens của thành Elexandrinus và các vị khác, ngoài các Điểm đạo đồ đã hiểu biết nhiều hơn. Nhưng họ thích giữ im lặng.

Hơn nữa, hãy để cho độc giả đọc các bài "ngụ ngôn" Ấn Độ, như các nhà Đông phương học gọi chúng và y nhớ lại ẩn dụ về Vishvakarman, Quyền năng Sáng tạo, vị

Kiến trúc sư Vĩ đại của Thế gian, được kinh *Rig Veda* gọi là "Thượng Đế Toàn nhân", người "tự hy sinh cho chính mình". Các Chơn ngã Tinh thần của chúng sinh là bản thể riêng của Ngài, do đó là *một với Ngài*. Bạn hãy nhớ rằng Ngài được gọi là Deva-vardhika, "Vị Kiến tạo của các Thần", và chính Ngài đã cột Mặt trời, Sūrya, con rể của Ngài, trên máy tiện của Ngài – trong ẩn dụ ngoại môn, nhưng trên chữ Vạn trong truyền thống Nội môn, vì trên Thế gian, Ngài là vị Đạo trưởng Đỉnh đạo – và chắt mắt một phần sự quang huy của Ngài. Bạn hãy nhớ lại Vishvakarman là con trai của Yoga-siddha, nghĩa là quyền lực thiêng liêng của Yoga, và vị chế tạo "vũ khí lửa", huyền thuật Agneyastra.^[1] Câu chuyện được thuật lại đầy đủ hơn ở chỗ khác.

Tác giả của tác phẩm Kabbalah rất thường được trích dẫn, có nói:

Vậy sự sử dụng có tính cách lý thuyết của thập tự giá hình, phải có vài sự liên hệ với sự nhân cách hóa của biểu tượng này [cơ cấu của Vườn Địa đàng được tượng trưng bởi một người bị đóng đinh trên thập tự giá]. Nhưng như thế nào? Và để chỉ cái gì? Biểu tượng thuộc về nguồn gốc của các kích thước, báo trước *định luật sáng tạo* hay *sự phác họa*. Người ta có thể chỉ rõ về thập tự giá hình một cách thực tế, ở những gì có liên hệ đến nhân loại? Tuy nhiên, sự kiện được thực hiện, như hình nộm của một công tác bí nhiệm thuộc cùng hệ thống, nêu rõ từ sự kiện của việc sử dụng. Tác động bí nhiệm của những giá trị tượng số này hình như ẩn giấu trong các vực thẳm ngày càng thâm sâu hơn (biểu tượng hóa của sự liên hệ giữa 113:355, với 20612:6561, bởi *một người bị thập giá hình*). Chẳng những chúng được trình bày để tác động trong vũ trụ nhưng. . . . Bởi thiện cảm, chúng dường như thực hiện những điều kiện liên hệ tới một thể giới tâm linh vô hình, và các nhà tiên tri dường như nắm giữ kiến thức của những sự liên hệ được nối kết. Sự suy tư trở nên sâu xa hơn khi người ta xem năng lực biểu hiện của quy luật *một cách chính xác* nhờ những con số đã định nghĩa một cách rõ rệt một hệ thống, không phải là sự *ngẫu nhiên* của ngôn ngữ, nhưng là chính *bản chất* của nó, và của *cấu trúc nền tảng thuộc cơ quan của nó*; do đó, không phải ngôn ngữ, cũng không phải hệ thống toán học liên kết với nó, có thể do con người khám phá, trừ phi cả hai *căn cứ trên một ngôn ngữ có trước mà sau này đã trở nên lỗi thời*.^[2]

Tác giả minh chứng các điều này do những sự giải thích bổ túc và khám phá ý nghĩa bí nhiệm thuộc về nghĩa đen của nhiều câu chuyện, bằng cách chứng tỏ rằng có thể, . . . ,^[3] *con người*, là tiếng *nguyên thủy*.

. . . người Do Thái sở hữu tiếng đầu tiên hoàn toàn nhờ âm thanh, nó gợi ý tưởng về *một người*. Dù đối với *bản chất* của tiếng này là 113 [giá trị bằng số của tiếng ấy] từ khởi thủy mang theo nó các hành khí của hệ thống vũ trụ được trình bày.^[4]

Điều ấy được Vithoba Ấn Độ minh chứng, một hình thức của Vishnu, như đã được trình bày. Khuôn mặt của Vithoba, ngay cả những dấu đinh trên bàn chân^[5] là những dấu của *Đức Jesus bị đóng đinh*, với *tất cả những chi tiết*, ngoại trừ cây thánh

[1] Xem *Tự điển Cổ điển Ấn Độ*, của Dowson.

[2] *Nguồn gốc các Kích thước*, trang 204-205.

[3] Chữ tượng hình. (LND)

[4] Như trên, trang 205.

[5] Xem *Vạn Thần Miếu Ấn Độ*, của Moor, nơi mà bàn chân trái của Vithoba [Wittoba], trong hình ngẫu tượng của ông, mang vết đinh, trang 418, Xem Bản II.

giá. CON NGƯỜI đó là ý nghĩa được chứng tỏ đối với chúng ta nhiều hơn bởi sự kiện vị *Điểm đạo đồ được tái sinh sau thập giá hình trên CÂY CỦA SỰ SỐNG*. "Cây" này bây giờ đã trở thành công truyền là *cây của sự chết* – vì người La Mã đã sử dụng nó như một công cụ để tra tấn và vì vô minh của những nhà tổ chức Thiên Chúa giáo đầu tiên.

Như thế, một trong *bảy ý nghĩa Nội môn* được chú ý bởi bí nhiệm về thập giá hình này do những nhà phát minh thần bí của hệ thống – sự xây dựng và chấp nhận đầu tiên ấy đi ngược về thời kỳ thiết lập các BÍ PHÁP – được khám phá trong các biểu tượng về hình học chứa đựng lịch sử tiến hóa của con người. Những người Do Thái – mà nhà tiên tri Moses rất uyên bác trong Minh triết Bí nhiệm của Ai Cập, và họ thu nhận hệ thống tượng số của họ ở dân Phoenicians và sau này ở những dân Ngoại giáo, ở những người ấy họ cũng vay mượn phần lớn trong hệ thống thần bí Kabbalah của họ – hầu hết đã thích ứng một cách khéo léo những biểu tượng thuộc về vũ trụ và nhân loại của những quốc gia "Ngoại giáo" với những truyền thống *bí nhiệm* độc đáo của họ. Nếu chế độ giáo quyền Cơ Đốc hiện nay đã mất chiếc chìa khóa về vấn đề này, thì những nhà sưu tập các Bí pháp Thiên Chúa giáo đầu tiên rất thông thạo về khoa Triết lý Bí nhiệm và Hệ thống đo lường Huyền bí của những người Do Thái, và đã sử dụng nó một cách xảo diệu. Như thế, họ lấy chữ Aish, một hình thức chữ Do Thái để chỉ CON NGƯỜI và dùng nó phối hợp với chữ Shānāh hay *năm theo mặt trăng*, có liên hệ một cách rất thần bí với danh hiệu của Jehovah, "Cha" giả định cả Đức Jesus và bao quanh ý niệm thần bí bằng giá trị và công thức thiên văn.

Ý nghĩa nguyên thủy của "con người bị đóng đinh trên thập giá" trong không gian chắc chắn thuộc về người Ấn Độ cổ sơ. Moor cho thấy sự kiện ấy trong *Vạn Thần Miếu Ấn Độ* của ông trong những hình chạm trở trình bày về Vithoba. Plato thừa nhận trong hình chữ thập treó của ông trong không gian, X, "chính Thượng Đế Ngồi Hai in sâu vào vũ trụ dưới hình thức chữ thập"; Đức Krishna cũng được chứng tỏ "bị đóng đinh" giống như thế.^[1] Hơn nữa, điều này còn được lặp lại nơi *Cựu Ước Kinh* trong quyết lệnh đóng đinh những người đàn ông trước Đức Chúa, Mặt trời – điều đó không phải là một sự tiên tri, mà có một ý nghĩa trực tiếp thuộc về sùng bái sinh thực khí. Trong một tác phẩm rất gợi ý như thế về ý nghĩa của kinh Kabbalah, chúng ta còn thấy:

Trong biểu tượng, những cây đinh của chữ thập có đầu mang hình tháp rắn chắc và thân hình vuông nhọn đầu có hình tháp bia, hay là biểu hiệu sinh thực khí. Xét vị trí của *ba* cây đinh trên cuối thân người và trên chữ thập, chúng tạo nên hay đánh dấu một *hình tam giác*, mỗi góc hình tam giác có một cây đinh. Các vết thương hay *dấu đinh* trên các chỗ cuối ắt phải là *số bốn*, quy định hình vuông. . . . Ba cây đinh với ba vết thương tạo nên một tổng số 6, chỉ 6 mặt của hình khối *khai mở* [nó tạo nên chữ thập hay hình dạng con người, hay là 7 nếu tính ba hình vuông ngang và bốn hình vuông thẳng đứng], con người nằm trên đó; và đến lượt nó, hình này gợi ra ý niệm về sự đo lường vòng quanh di chuyển trên các viên của hình khối. Vết thương *duy nhất* ở các bàn chân phân làm *hai* khi các bàn chân bị phân cách tạo thành *ba* đối với *tất cả* và *bốn* khi *bị phân ly*, hay là 7 tính tổng cộng – một số căn bản khác và *thiêng liêng nhất* thuộc về nữ tính [đối với người Do Thái].^[2]

[1] Xem *Bia Kỷ niệm Thiên Chúa Giáo*, của Tiến sĩ Lundy, hình 72.

[2] *Nguồn Gốc các Kịch Thuật*, trang 52.

Do đó, trong khi ý nghĩa sinh thực khí hay tính dục của những "cây đình của thập giá hình" được minh chứng bởi hình học và số học, ý nghĩa thần bí của nó được quy định bởi những nhận xét văn tắt trên đây và nó thiết lập một sự tương quan giữa nó với Promettheus. Ngài là một nạn nhân khác vì Ngài bị đóng đinh trên Thập tự của Tình thương, trên tảng đá đam mê của nhân loại, một sự hy sinh đối với sự tận tụy của Ngài vì yếu tố tinh thần của Nhân loại.

Hiện nay, hệ thống nguyên thủy, dấu khắc lõm kép nằm bên dưới ý niệm về chữ thập, không phải là một "sự phát minh của nhân loại", vì nó có nền tảng của Quan niệm thuộc về Vũ trụ và sự biểu hiện tinh thần của Chơn ngã Thiêng liêng trong con người. Sau này, nó mở rộng và trở nên ý niệm tốt đẹp được thừa nhận và trình bày trong các Bí pháp, ý niệm về con người được phục sinh, chúng sinh, do sự đóng đinh con người xương thịt và các dục vọng của y trên chiếc giường tra tấn của Procrustean, đã được tái sinh như một kẻ bất tử. Bỏ thể xác lại phía sau, người-thú bị buộc chặt trên Thập giá của sự ĐIỂM ĐẠO như một con nhộng trống rỗng, Linh hồn Chơn nhơn trở nên tự do như một con bướm. Sau đó nữa, vì mất dần tinh thần, thập tự trở thành không vượt quá *biểu tượng sinh thực khí* trong vũ trụ khai tịch và nhân chủng học.

Đối với các nhà Bí giáo của những thời đại xa xưa nhất, Linh hồn Vũ trụ hay Anima Mundi, phản ánh vật chất của Ý niệm Phi vật chất, là Nguồn Sống của vạn hữu và của Nguyên khí Sống động của ba giới. Vị này được xem như *thất phân* với các nhà Hiền triết Ấn Độ, cũng như với tất cả Cổ nhân. Vì nó được trình bày như một chữ thập thất phân mà các nhánh lần lượt là *ánh sáng, nhiệt, từ lực địa cầu, bức xạ tinh đầu, chuyển động* và *sự thông tuệ*, hay cái được gọi là ý thức về bản ngã.

Như chúng tôi có nói ở một nơi khác, trước khi chữ thập hay biểu hiệu của nó được chấp nhận như biểu tượng của Thiên Chúa giáo, biểu hiệu của chữ thập được sử dụng như một ký hiệu để nhận ra trong số các Cao đồ và các Tân tín đồ, các Tân tín đồ này được gọi là *Chrests* – do Chrestor, người khổ tâm và ưu phiền. Éliphas Lévi nói:

Biểu hiệu của chữ thập được người Thiên Chúa giáo thừa nhận không độc nhất thuộc về họ. Nó cũng thuộc giáo lý Kabbalah và trình bày sự tương phản và sự quân bình tứ phân của các hành khí. Do đoạn thi của *Paternoster*, chúng ta thấy rằng . . . từ nguyên thủy, có hai cách để thực hiện điều này, hay là ít nhất có *hai* công thức rất dị biệt để diễn đạt ý nghĩa của nó: một dành cho các tu sĩ và các ĐIỂM ĐẠO ĐỒ, một dành cho tân tín đồ và thường nhân. Như thế, thí dụ, vị được điểm đạo, đặt tay trên trán nói, *Cho con, rồi y thêm, thuộc về*; và tiếp tục đặt bàn tay y trên ngực, *vuơng quốc*; rồi trên vai trái, *sự công chính*; đến vai mặt, và *lòng nhân từ*. Rồi y chấp hai bàn tay nói thêm, *khắp các chu kỳ sinh hóa* – *Tibi sunt Malchut et Geburah et Chesed per Aeonas* – một biểu hiệu tuyệt đối và huy hoàng của chữ thập thuộc giáo lý Kabbalah, mà những người tầm thường của chủ nghĩa Ngộ đạo đã làm *mất* hoàn toàn nơi Giáo hội đấu tranh và chính thức.^[1]

"Giáo hội đấu tranh và chính thức" thêm: để đạt đến những gì không thuộc về nó, nó chỉ nắm lấy những gì "Tầm thường" – ý nghĩa Kabbalah của các Sephiroth *thur* và *hùng*. Nó không bao giờ mất ý nghĩa *thâm sâu* và cao cả, vì nó không bao giờ có ý nghĩa đó, mặc dù sự mãn nguyện của Éliphas Lévi đối với La Mã. Lúc đầu ký hiệu chữ

^[1] *Giáo điều và Nghi thức của Huyền thuật Thượng đẳng*, Quyển II, trang 88.

thập được Giáo hội La Tinh thừa nhận thuộc về *sinh thực khí*, trong khi biểu tượng của người Hy Lạp là chữ thập của những Tân tín đồ, Chrestoi.